

SỐ 1748

KINH VÔ LƯỢNG THỌ LIÊN NGHĨA THUẬT VĂN TÁN

Thích Cảnh Hưng soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Kinh: Kinh Phật thuyết Vô Lượng Thọ:

Thuật: Lược chia làm ba môn để giảng kinh này:

1. Lý do vì sao có kinh này.
2. Giải thích tên gọi.
3. Giải thích bản văn.

Về lý do vì sao có kinh này lược có ba nghĩa: Một là muốn nói về sở Nhân Tịnh độ, cho nên trong kinh trước nói tòa hoa do nguyện lực của Tỳ kheo Pháp Tạng tạo nên, nhưng cũng chưa nói về y Báo, chánh báo trang nghiêm đều nương vào năng lực bốn thế Pháp tích mà thành. Nên nay phải nói rộng về bốn mươi tám nguyện ở đời trước mà nói về Nhân hiện nay ở nước ấy; ba là muốn nói về Bốn thế không lường đối, cho nên nói tất cả Phật tuy có phát bốn nguyện nhưng cũng có bốn nguyện không thể thỏa nguyện. Như trong Bát-nhã có chúng sinh muốn được diệt độ nhưng nguyện lực pháp tích lại không như thế. Nên ở đây nói rộng về y chánh công đức trang nghiêm thanh tịnh để hiển bày nguyện xưa có chỗ phải bày, khiến hành giả thêm ý muốn vãng sinh; ba là muốn hiện bày khổ não của cõi uế, tức như trong Quán kinh nói ở vị lai tất cả chúng sinh bị giặc phiền não làm khổ hại, mà chúng sinh không nghe tướng đau khổ thì không thể khởi ý ưa thích nhằm chán, do đó nghiệp vãng sinh cũng không thành. Cho nên ở đây nói rộng năm

điều Ác, thiêu đốt làm khổ hại khiến người tu hành chán cõi khổ này mà ham phương vui kia, để tu phước quán hạnh mau ra khỏi Ta-bà mà sinh Tịnh độ. Như thứ lớp ấy tức là ba thứ sở thành, sở hóa. Ấy là ba nghĩa. Nên sau Quán kinh thì nói kinh này.

Thứ hai là giải thích tên, xem lịch sử các đời truyền kinh. Tên kinh này tuy có nhiều, nhưng ở đây chỉ nêu ba tên đầu của ba đời. Đời Ngụy thì ngài Bạch Diên nêu hiệu là Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng giác. Đời Ngô thì ngài Chi Khiêm gọi là Kinh Chư Phật A-di-đà Tam-da tam-Phật Tát Lâu Phật Đản Quá Độ Nhân Đạo, cũng gọi là kinh Đại A-di-đà. Nay đời Tây Tấn, ngài Pháp Hộ gọi là kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên tên kinh tuy có rộng, lược nhưng nghĩa giống nhau. Muốn giải thích tên kinh này của ngài Pháp Hộ thì có bốn cặp: Một là chung riêng đối nhau. Tức Phật Thuyết và Kinh là chung, còn Vô Lượng Thọ là riêng; hai là người pháp đối nhau, tức là Phật là Nhân, còn các tên khác là pháp; ba là Thuyên Chỉ đối nhau, tức Vô Lượng Thọ là chỉ, còn kinh là Thuyên, nói gồm cả hai. Cho nên phần bốn đầu cuối đối nhau, tức lời trên đối dưới, cũng có lời dưới đối trên. Như thứ lớp đầu đuôi, cho nên y theo nghĩa giải thích cận kề như trước.

Tôi nghe như vậy: Thứ ba là giải thích Bốn văn. Lại có thứ hai nêu thẳng Di-đà xưa thành Phật có bốn nguyện ưa quả vui để chỉ cho chúng sinh Nhân quả vãng sinh. Trong đó có người nói kinh này mở ra mười phần: Một là từ đầu cho đến nhất thời đến dự hội..., gọi là phần tựa; hai là khi ấy Thế tôn các căn vui vẻ v.v... là phần hiện tượng; ba là Tôn giả A-nan nương thánh chỉ Phật... là phần khả thỉnh; bốn là Do đó Đức Thế tôn bảo A-nan... là phần tựa hứng; năm là A-nan hãy lắng nghe nay ta sẽ nói v.v... là phần chánh thuyết; sáu là Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng... là phần sinh sinh; bảy là Phật bảo Di-lặc v.v... là phần khuyến tín; tám là Khi ấy, Đức Thế tôn nói kinh pháp này v.v... trở xuống là phần thuyết ích; chín là bấy giờ Tam thiên Đại thiên... là phần khuyến thỉnh. Mười là Phật nói kinh xong tất cả đều vui mừng v.v... là phần tất cả đều vui mừng. Vừa nêu ý mười phần song chưa hết lý cho nên chưa nắm được gì. Chưa hết cái gì? Là Như lai sắp nói Thánh giáo, pháp môn ấy tên gọi là gì, mà nói phần hiện tượng. Nếu nói ra mà không có tựa phát khởi thì A-nan chứng cái gì? Tựa chứng tín nếu không có chứng tín thì không thể nói là phần tựa - Lại từ Thế tôn các căn vui vẻ, nếu trước không nói tựa thì sẽ nói gì, cho nên có tên phần tựa thuyết. Chẳng thể dùng cái khác mà gồm tên phát khởi trong phần tựa thuyết mà chỉ chứng tín. Cho nên A-nan lại nêu câu hỏi và Như lai đáp lại sau đó để nêu ý chỉ sẽ nói, đều

phải lắng nghe nên gọi là Chánh thuyết. Chánh thuyết và tựa không thể khác nhau, nếu riêng khác thì các ý sẽ trái nhau. Nếu mỗi chương đoạn nói ra đều phải làm riêng thì các phần chẳng phải chỉ có mười. Cho nên nói kinh này vẫn có chia làm ba:

Từ “Tôi nghe” cho đến “Rất muốn nghe” là tựa nêu lý do Phật bảo A-nan đến quá khứ là phần Chánh tông. Phật bảo Di-lặc nếu có người được nghe là phần lưu thông.

Phần tựa có hai: Một là tôi nghe như vậy là tựa chứng tín. Sau Vương xá thuở nọ, Đức Phật là nghĩa đã gồm hai. Cho nên đối chuẩn chứng tín là tựa phát khởi. Trong đó có ba: Một là nói về Hóa chủ; hai là nói về Đồ chúng; ba là Như lai hiện tướng. A-nan nêu thỉnh. Đây cũng chẳng đúng. A-nan nêu lời thỉnh nếu là phát khởi thì phần Phật đáp A-nan không phải là Chánh tông, nếu đáp là Chánh tông thì hỏi không phải là tựa, cho nên xét các kinh luận, nếu đáp gọi là Chánh thuyết thì phải gồm cả câu hỏi. Nếu hỏi là phát khởi thì đáp là Chánh tông. Không ai như thế. Lại thời gian và nơi chốn thì y theo chứng tín làm chuẩn, tôi nghe như vậy há chẳng phải là phát khởi thực hành? Hoặc nghe, hoặc Phật đều trước có nói. Lại y theo thời, Phật và xứ mà nói về Hóa chủ thì cũng trái với luận Phật Địa, hiển bày chung đã nghe có năm nghĩa. Nay xét bộ kinh này phải chia làm ba phần: Một là từ Tôi nghe đến dung nhan vôi vọi, gọi là khởi nhân nói kinh; hai là kể từ Tôn giả A-nan cho đến nói lược mà thôi, gọi là phần hỏi nói vui làm. Vì sắp giải thích là có ba phẩm này lại đồng với luận Phật Địa. Trong phần đầu lại có hai: Một là Truyền pháp khuyến tín; hai là Tựa phát khởi Thánh nói. Phần một lại có năm. Một là như thế, đây là truyền pháp. Bạch Diên và Chi Khiêm đều không có lời này. Còn kinh của Pháp Hộ thì nói theo Ấn-độ. Hai là Vương xá thuở nọ: Nói về thời gian truyền. Ba là Phật: Nói về chủ truyền. Bốn là tại thành Vương xá, núi Kỳ-Xà-Quật: Nói về chỗ truyền. Nếu giải thích bốn văn này thì giống như kinh trước nên không cần nhắc lại. Năm là cùng các đại Tỳ-kheo, nói về Cơ truyền. Các bản kinh không giống nhau. Theo Bạch Diên thì nêu đủ ba chúng: Một là chúng Thinh văn, tức cùng chúng Đại đệ tử một ngàn hai trăm năm mươi vị, năm trăm Tỳ-kheo-Ni, bảy ngàn nam tín sĩ, năm trăm nữ tín sĩ; hai là chúng Bồ-tát, tức bảy mươi Na-diễn Bồ-tát; ba là chúng chư thiên, tức tám mươi muôn vị Thiên tử cõi Dục, bảy mươi muôn vị Thiên tử cõi Sắc, sáu mươi Na-diễn vị trời cõi Biến Tịnh, một ức vị Phạm thiên. Ngài Chi Khiêm thì chỉ nêu chúng Thinh văn, tức Đại Tỳ-kheo tăng mười hai ngàn vị. Nay kinh ngài Pháp Hộ chỉ nêu hai chúng Tỳ-kheo và Bồ-tát,

còn các chúng khác không có. Lý do có thiếu đủ này là do ý người dịch để nhiều ít khác nhau. Nay giải thích về căn cơ được truyền giáo có hai: Một là chúng Thinh văn; hai là chúng Bồ-tát. Chúng này theo thứ lớp cũng giải thích như trước. Trong chúng Thinh văn lại có năm. Trước là nêu hạnh, tức trong luận Pháp Hoa có chép: luận về chúng Thinh văn tu hạnh Tiểu thừa, y pháp khát thực tự nuôi sống, cho nên oai nghi nhất định không giống với Bồ-tát, nên gọi là Tỳ kheo.

Cùng với Mười hai ngàn vị, đây là phần thứ hai nói về số. Luận ấy cũng nói số thành tựu, tức là đại chúng có vô số, chung riêng tuy khác nhưng nghĩa là một. Nhưng ngài Bạch Diên nói một ngàn hai trăm năm mươi vị là nêu lược, chúng thường tính kể không hết nên cũng chẳng trái.

Tất cả bậc Đại thánh đã đạt thần thông, đây là phần thứ ba khen đức tất cả, tức là khắp hết. Đại thánh, tức là hội lý gọi các vị phạm thánh có đức. Vì thế luận rằng: tâm được tự tại đến được bờ kia, nên gọi là Đại. Thần thông, là danh từ gọi chung sáu thông, không bị ngăn lấp khó lường. Dĩ là, rồi, xong, đạt nghĩa là tác chứng (chứng được), tức đã chứng được sáu thông. Cho nên có người nói A-nan ở bậc Hữu học tuy chưa được thông nhưng có đức tốt nên gọi là đã đạt. Không đúng, A-nan là người mà kẻ phạm tục không thể biết được sự thật, tức kinh nói tích tụ ở Sơ quả nhưng cũng đã chế phục chướng mà được Định căn bản, được vô lậu tận, đã phát năm thông. Cho nên theo phần nhiều mà nói đã đạt thì cũng không có gì lạ.

Tên là Tôn giả Liễu Bản Tế v.v... cho đến Tôn giả A-nan, đây là phần thứ tư nêu tên. Các kinh nêu chúng không theo thứ lớp nhất định. Có người y theo đức hạnh lớn nhỏ làm thứ lớp. Như kinh Pháp Hoa sắp Ca-diếp ở hàng thứ hai, ngài Thu Tử thì sắp đứng trên Ca-chiên-diên: Hoặc có người y cứ vào xuất gia trước sau làm thứ lớp. Như kinh Báo Ân, trước độ năm vị, kế độ môn đồ Da-xá năm mươi vị, kế độ môn đồ Ưu-Lâu-Tần-Loa hai trăm vị, độ cho Thu Tử và môn đồ một trăm vị, độ Mục-liên và môn đồ một trăm vị. Hoặc có người y theo đức mà làm thứ lớp. Như Vô Cấu Xưng vì Phật sai đi thăm bệnh, phải dùng trí biện mà đối đáp. Nay kinh này thì giống như kinh Báo Ân. Nêu thứ lớp nhập Thánh thì ngài Bạch Diên nêu ba mươi sáu tên, Ngài Chi Khiêm và Pháp Hộ đều nêu ba mươi một tên, Kiều-trần-như đứng đầu. Bạch và Khiêm đều gọi là Hiền, còn Pháp Hộ thì gọi là Tôn giả, đều là tiếng khen đức, tức nghĩa Đại Thánh ở trước.

Liễu Bản Tế, thì Chí Khiêm gọi là Câu-lân, tiếng Phạm là A nhĩ-

đa Kiều-trần-na. Kiều-Trần là họ Bà-la-môn, Na là nam (đàn ông). A-nhã-đa là hiệu nghĩa, trước hiệu tịnh cư, cũng nói là đã hiệu. Ấy là người hạnh hiệu đầu tiên có họ là Kiều-trần. Nên nhiều người lấy Hiệu mà đặt hiệu (tên), còn nam là để phân biệt với nữ, nên gọi là Na. Nói Bốn tế tức là hiệu rõ bốn Đế chân tánh, tức hiệu rõ mà nói tuy chẳng đồng nhưng nghĩa là một.

Chánh nguyện, ngài Chi Khiêm gọi là Bạt-trí-chí bởi có tên Bạt-Đề. Có thuyết chép: bị Mã Sư đuổi đi bèn phát nguyện không trở về nhà, nên được quả A-la-hán. E rằng đây là không đúng. Theo Luận Bà-sa nói thân Mã Sư mãn Túc đời trước hiện tướng rồng mà thành La-hán, thọ thân súc sinh là không có việc đó được. Có thuyết nói là Chánh ngữ, tức Tất-Lăng-già-Bà-Sai là không đúng. Người này tánh ác còn thô, nói đã được La-hán nhưng thói quen cũ vẫn còn, nên không thể nói là Chánh ngữ được. Ở đây luận này nói Tỳ-kheo Ma-ha na-di, Hán dịch là Chánh ngữ, bởi tên là Ma-nan, nên ngài Bạch Diên gọi là Hiền để khen.

Đại Hiệu, luận này gọi là Hiền giả Hàm Thi, tức là Ly-bà-đa. Vị này giữ giới không nói dối, nhân làm chứng cho quỷ tranh cãi nên bị lấy thân chết thay làm thân mình. Ở ngôi vị vua, tên có đức nổi tiếng khắp nơi.

Nhân Hiền, ngài Chi Khiêm gọi là Tu Mãn, tức bên trong là hiền thiện, bên ngoài là nhân từ, nên lấy đó đặt tên.

Ly Cấu, ngài Chi Khiêm gọi là Duy-mạt-đề, tức trừ sạch tất cả. Thuyết Bốn khởi nói Luân-đề-đà quét sạch chùa nhà, nguyện khiến tâm mình không chút bụi nhỏ, sạch như chùa kia, nên gọi là Tịnh Trừ. Tịnh trừ tức là Ly Cấu, tên gọi khác mà nghĩa giống nhau.

Danh Văn, có thuyết gọi là Phạm Chí Móng tay dài (Trường Trao Phạm Chí) tên là Bác-đạt, nổi tiếng khắp nơi nên gọi là Danh văn. Sợ đây không đúng, vì trái với thuyết Bốn khởi không có tên này. Nay theo kinh ấy thì Tôn giả Dạ-da, tên là Danh văn, có phạm hạnh tịnh khiết, mọi người đều biết và kính trọng.

Thiện Thật, tức là Trưởng giả Bốn khởi, thích danh tiếng mà làm lành cúng dường pháp. Thời Phật Duy-vệ đến nay đã chín mươi mốt kiếp mà ông vẫn thường sinh làm trời, người, nên được quả A-la-hán.

Cụ Túc, tức Tôn giả Bốn khởi Thọ Đề, nguyện được thọ Đại giới thành Sa-môn.

Ngưu Vương, tức là Cấp-phòng-bát-đề, Hán dịch là Ngưu Tướng mà gọi là Vương (đầu đàn) là có ý tốt đẹp.

Ổ-lô-tần-loa là tiếng Phạm, Hán dịch là Mộc qua, vì trước bụng có cái bứ lớn như trái khổ qua. Gọi Ưu-lâu-tần-loa là sai.

Già-da, tức là do ở núi Tượng đầu (đầu voi) mà đặt tên. Tiếng Phạm là Nại-địa. Kinh Trang Nghiêm nói Nan-đề tức tên sông. ba vị Ca-diếp này đều thuộc giòng Âm Quang, gồm ba anh em. Trong kinh của ngài Bạch Diên lại có vị Hiền giả tên Thị Tụ Ca-diếp. Bởi thuyết Bốn khởi gọi là Thừa thiên Ca-diếp, trong đây Tôn giả Cự Túc, Giác kinh trừ Thị Tụ ra còn gọi Ngưu Tự. Đã không răn nói lại mở ra hai đường mặc tình lấy bỏ, học giả nên hiểu. - Tiếng Phạm là Ca-diếp-ba, Hán dịch là Âm Quang, tức họ Bà-la-môn, thời thượng cổ có vị tiên, thân ánh sáng lấn át cả mặt trăng, mặt trời. Ca-diếp cũng giống như vậy cũng phát ra ánh sáng lấn át mặt trăng, mặt trời nên y theo họ đặt tên. Ma-ha là lớn. Con người giàu có thì cũng gọi đại nhân. Nên tên Đại khái phân biệt với hai hạng kia.

Tiếng Phạm là Xá-lợi-Phất-đát-la. Xá-lợi là thu (chi thu) tức chim trăm lưỡi gọi là xuân thu - phất-đát-la là tử (con). Vì mẹ có tài hùng biện cũng như chim thu, vị này là con người ấy, do đó gọi là Thu Tử (con của bà Thu) gọi Xá-lợi-phất là sai.

Tiếng Phạm là Một-Đặc-già-la, Hán dịch là Thái Thúc Thị. Đời thượng cổ có vị tiên ở núi vắng thường hái đậu ăn nên lấy tên đậu làm họ. Mẹ của Tôn giả họ ấy nên lấy làm tên. Có thần thông rộng lớn để phân biệt với những người khác nên gọi là Đại. Gọi Mục-liên là đọc âm sai.

Kiếp-tân-na, Hán dịch là Phòng Túc, vì Phật hóa thành vị Tỳ-kheo già cùng ngủ chung phòng qua đêm với kiếp-tân-na, nói pháp cho ông nghe mà được ngộ Đạo.

Tiếng Phạm là Ma-ha Ca-đa-diễn-na, Hán dịch là Đại Tiễn Thích Chủng Nam, tức họ Bà-la-môn. Đời thượng cổ có nhiều vị tiên ở trong núi vắng, nhiều năm để râu tóc mọc nhiều phủ mặt, theo pháp Bà-la-môn thì vị này cạo sạch râu tóc. Ở Vương xá có vị tiên có hai con trai, hai anh em cùng đến hầu che. Người em cạo sạch râu tóc cho các vị tiên, nên các tiên nguyện hộ trì sau này sẽ thành tiên sang quý. Từ đó dòng họ gọi là Tiễn Thích. Thích giả (người cạo râu tóc) là người thân nam có oai đức đặc biệt tôn quý, để phân biệt với các giòng họ khác nên gọi là Đại Tiễn Thích Chủng Nam.

Xưa gọi là Ca-chiên-diên, Hán dịch Thằng Phiến là lầm. Ở đây gọi là Đại Trụ cũng là theo xưa mà đặt tên. Mẹ ông thương con chẳng chịu có chồng khác, như sợi dây cột cây quạt nên gọi là Trụ.

Đại Tịnh Chí, trong thuyết Bốn khởi gọi là Lại-tra-hòa-la, chí không còn vui thích gì cả, chỉ ưa pháp thanh bạch, thích nhàn cư bậc nhất, nên gọi là Đại Tịnh Chí.

Ma-ha Chu-Na, tức Chu-na-bác-đặc, Hán dịch là Lộ Sinh. Lộ Sinh có lớn nhỏ, nên gọi Ma-ha để phân biệt với nhỏ.

Tiếng Phạm Bồ-lại-noa-mai-đát-ri-duệ-ni Phất-đát-la, Hán dịch là Mãn Từ Tử. Gọi Phú-lâu-na Di-đa-la-ni-tử là sai. Mãn là tên, Từ là họ mẹ. Tôn giả Từ Mãn là con của nàng Từ, do đó đặt tên. Nay nói Mãn Nguyên là sai.

Tiếng Phạm Ni-luật-đà, Hán dịch là Vô Diệt, là em họ của Phật, là người Thiên Nhân bậc nhất. Nay gọi Ly chướng ý, cũng y theo đây mà gọi, gọi A-nậu-lâu-đà là sai.

Lưu Quán, có thuyết nói là Ly-bà-đa, Hán dịch là giả Hòa Hợp, nên gọi là Lưu Ly, gọi Lưu ly e không đúng, vì không phải chữ Ly. Chi Khiêm gọi là Nan-đề, cho nên nay trong thuyết Bốn khởi gọi là Nan-đề.

Tiếng Phạm Tôn-đạt-la Nan-đà, Hán dịch là Diễm Hỷ. Hỷ là tên mình, Diễm là tên vợ, muốn phân biệt với Nan-đà chăn trâu, cho nên lấy tên vợ mà đặt tên, tức là em ruột của Phật, do vua Đại Thánh sinh ra, vào đời Phật Duy-vệ đã bố thí nước nóng cho nhà tắm nên thân tướng cao lớn đẹp đẽ, người ngắm nhìn không thỏa mãn. Nay gọi Lưu Quán cũng là theo tên ấy.

Kiên phục, tức thuyết Bốn khởi gọi là Thọ-đề. Kinh ấy nói là người bền chí siêng năng theo định ý (thiền định) vô vi vô động. Ngài Bạch Diên cũng gọi là Hiền giả, là người rõ được định sâu.

Diện Vương, ngài Chi Khiêm gọi là Hiền giả Ba-Cưu-Loa. Tiếng Phạm Bạc-cự-la, Hán dịch là Thiện Dung (khuôn mặt đẹp). Vẻ đẹp tuy có nhiều, lấy mặt làm trước nên gọi Diện Vương (người có khuôn mặt đẹp nhất).

Dị Thừa, ngài Bạch Diên gọi là Hiền giả thị giới tỵ, giới hạnh tốt bậc nên gọi Dị thừa.

Nhân tánh tức bản khởi gọi là Thi-lợi-la. Kinh ấy nói cho nhiều tiền của để cứu giúp người nghèo khổ.

Gia lạc, tức trong bốn khởi gọi là Nan-đà, là vui vẻ, ngài Chi Khiêm cũng gọi Nạn trì, chánh âm là Nan-đà, Hán dịch là Gia bản, tức là người chăn trâu. Nhờ hỏi Phật mười một việc chăn trâu mà biết được trí Nhất thiết của Phật, chứng quả A-la-hán. Ông rất mực thông minh, tiếng nói rất hay. Ở đây Gia lạc cũng không phải dịch đúng.

Thiện lai, ngài Chi Khiêm gọi là Hiền giả Nại-yết. Bốn khởi gọi là Hóa-Yết. Truyện nói tiếng Phạm là Sa-yết-đa, Hán dịch là Thiện lai, lai là về. Về với Phật pháp có lợi lớn không gì bằng, nên gọi Thiện lai. Thiện lai là tên chung của một ngàn hai trăm năm mươi vị, tức từ chung mà lập tên riêng. Như lai thường gọi chúng là Thiện lai, nghĩa là đến được dạy khuyên điều lành, như kinh Đại Trang Nghiêm nói.

Tiếng Phạm La-hộ-la, Hán dịch là Chấp Nguyệt, nên gọi là La Vân. Ngài Bạch Diên nói sinh trong cung vua là sai. Tiếng Phạm là A-nan-đa, Hán dịch là Khánh Hỷ, nay gọi A-nan. Ngài Bạch Diên dịch là học rộng, đều trình bày sơ lược.

Đều là các vị thượng thủ như thế, đây là thứ năm lược kết. Lại hội hợp với chúng Bồ tát Đại thừa, là phần thứ hai nói về chúng Bồ-tát. Có bốn: Vương xá là nêu hạnh, tức như luận Pháp Hoa nói Bồ-tát tu Đại hạnh cầu giác ngộ và làm lợi ích hữu tình, nên gọi là Tát-đỏa. Lại dùng năng lực thần thông tùy lúc thị hiện, tu hạnh Đại thừa như mười sáu vị: Bạt-đà-bà-la v.v..., đầy đủ hạnh Bồ-tát chẳng thể suy nghĩ bàn luận, hoặc hiện thân làm cư sĩ v.v..., bốn chúng gọi là Bồ-tát. Theo ngài Bạch Diên thì Bồ-tát có bảy mươi Na-diễn. Ở đây không nói nên lược qua.

Bồ-tát Phổ Hiền cho đến tất cả Bồ-tát là phần thứ hai nêu tên. Có hai, đây là vị Bồ-tát ở kiếp Hiền. Phổ Hiền, Phổ là khắp, tức là trí chứng chân. Hiền là hiền thiện, tức hạnh làm việc nội đức thì biến khắp, ngoại hóa thì hiền thiện, nên gọi là Phổ Hiền. Diệu Đức, phải nói là Diệu Cát Tường, Cát Tường nghĩa là công đức, nghĩa gọi là Diệu Đức.

Từ Thị, tức là ở chỗ Phật, Từ Thị mới phát tâm Bồ-đề, cũng là sinh ra ở họ Từ nên gọi là Từ Thị. Tiếng Phạm là Phệ-đà, Hán dịch là Thiện, cũng dịch là Thiện kiếp, nghĩa như Trí luận. Nhưng nói Hiền là y theo tên hiện nay. Kiếp dài ngắn, Phật nhiều ít thì rộng như kinh Di-lặc Thuật Tán đã giải thích.

Lại Hiền Hộ... cho đến Bồ-tát Giải thoát, là Bồ-tát ở các kiếp khác. Có thuyết nói mười sáu Chánh sĩ Hiền Hộ là nêu Vương xá người đầu mà gồm hết số sau đều nêu chung.

Thiện tư nghị v.v... là theo đó mà nêu riêng. Ở đây e không đúng. Nếu Thiện tư nghị v.v... là thuộc mười sáu vị Chánh sĩ thì sao mười lăm Chánh sĩ kia lại không nêu, cho nên trái nhau. Nếu chớ là thế thì cũng trái với luận Pháp Hoa nói mười sáu vị Bồ-tát Bạt-đà-bà-la v.v..., cho nên Thiện tư nghị... cùng mười sáu Bồ-tát trong kinh Vô Tận Ý tên gọi có khác, không thể gọi Thiện tư nghị v.v... là mười sáu vị Chánh sĩ này. Có thuyết nói Hiền Hộ v.v... tức là hai Bồ-tát cho nên khắp mười sáu

Chánh sĩ đều có đức hiển nhân, nên nói là Hiền sĩ, ngoài thì có tâm che chở chúng sinh nên gọi là Hộ. Ý này cũng chẳng đúng. Vì Bạt-Đà-Bà-La, Hán dịch là Hiền Hộ mà chia làm hai thì trái nhau - Lại Phổ Hiền... đều nêu Vương xá tên, vậy Hiền Hộ không phải là tên hai Bồ-tát. Có thuyết nói tuy nêu số mười sáu mà mười lăm tên kia thì thiếu như kinh Giáo pháp chép: có hai Bồ-tát một vị tên là Hiền Hộ, vị kia tên là Nhất thiết thế gian nhạo kiến. Đây cũng không đúng. Vì đó chỉ có hai vị này. Có mười sáu vị thì không thể chỉ nêu có một, nên không thể được. Trong các kinh, các Bồ-tát nếu ở sau ngài Hiền Hộ thì đều vào số mười sáu. Nên nay Bồ-tát ở các kiếp khác tự có hai loại. Cho nên mười sáu Chánh sĩ như Hiền Hộ v.v... tức là một loại. Có thuyết nói mười sáu nước lớn mỗi nước đều có Vương xá vị, có mười sáu vị là không đúng.

Vì một nước phải có nhiều Bồ-tát, mà một nước chỉ có một vị thì không có lý do nào khác cả. Cho nên nay xem đây là tướng loại của mười sáu hạnh nguyện. Cho nên trong Thánh giáo chỗ nào cũng đều nêu đủ mười sáu việc không thể nghĩ bàn hóa hiện độ chúng sinh. Rộng như trong Kinh Di-lặc Thuật Tán đã giải thích. Mười bốn Bồ-tát như Thiện tư nghị v.v...tức là loại hai này. Tuy là mười bốn mà lược thành bảy cặp: Một là cặp Tư pháp tín giải, tức là khéo suy nghĩ luận bàn quán sát giáo pháp mà tín thuận trao nhận nên gọi là tín tuệ; hai là cặp Chứng không thiệp hữu, tức là trong chứng lý không, nên gọi là không vô, ngoài đến giáo hóa các hữu, nên gọi là thần thông hóa; ba là cặp Đại từ đại trí, tức là đước từ quang rực sáng nên gọi là Quang Anh, tuệ căn không có gì trên, nên gọi là tuệ thượng; bốn là cặp Tư lợi Lợi tha: Tức tu đạo Bồ-đề nên gọi là Trí tràng, ngăn giữ các căn môn thì gọi là Tịnh căn; năm là cặp Pháp Danh dụ Danh: tức là nguyện tuệ, Pháp hương tượng là dụ; sáu là Phước Tư trí Tư đối: Tức đủ phước Tư lương thì gọi là Bảo Anh, đủ trí tư lương thì gọi là Trung trụ; bảy là cặp Tu hạnh trừ Phước: Tức tu Thánh hạnh thì gọi là Chế hạnh, dứt trừ hai phước nên gọi là giải thoát.

Đều vâng theo pháp chí công đức của Phổ Hiền, đây là phần thứ ba khen đức có hai: Một là đủ đức quyền thật; hai là Lợi hạnh tự tha Trong một lại có ba: Một là khen lược; hai là khen rộng; ba là kết khen. Trong một lại có hai: Một là khen đức của thật, vâng hành đức của Phổ Hiền tức là tu hạnh Thượng vị. Đủ hạnh nguyện Bồ-tát tức là đủ Nguyện hạ vị. Trụ pháp công đức tức là nói rõ pháp tự trụ. Tuân là vâng, là thuận

- Phổ Hiền tức là y theo như như mà đủ các đức hạnh ở bậc Đẳng giác. Hiền Hộ v.v... đều vâng theo đức của Đại Sĩ Phổ Hiền, tức biết ngôi vị

ở Địa Pháp vân - Hạnh tức là trong Luận Du-già nói các pháp Bồ-đề phần, các Ba-la-mật, thành tựu hữu tình, các hạnh thần thông, nguyện tức là trong kinh Hoàng Tuệ nói biết tất cả pháp, được thuyền Bát-nhã gặp gió trí tuệ được phương tiện khéo mà độ tất cả mọi người vượt qua biển khổ lớn, được Đạo đầy đủ lên núi Niết-bàn, vào nhà vô vi, được thân pháp tánh. mười thứ Nguyện, nếu hạnh không có nguyện thì chìm sâu trong biển khổ, Nguyện mà không hạnh thì cũng không thuần thực. Phải đủ cả hạnh, nguyện thì mới gọi là Đạo Bồ-đề. Công nghĩa là các hạnh công năng đều có công làm lợi đất nước, tức là đức của người làm lành nên gọi là công đức. Có đức này thành tựu nên gọi là tất cả, thành tựu đầy đủ nên gọi là an trụ.

Đến khắp mười phương thực hành quyền phương tiện, đây là sau khen đức của quyền. Bộ là đi. Thân hóa vô ngại. Không cảm thì chẳng ứng, cho nên nói đến khắp mười phương, hóa hạnh khéo léo, không thân tướng nào chẳng hiện nên gọi là thực hành quyền phương tiện. Vào kho Phật pháp, rốt ráo đến bờ kia, là phần thứ hai khen rộng. Có hai: Một là khen đức thật. Có thuyết nói vào kho Phật pháp là nói nhân đi lên. Rốt ráo đến bờ kia là nói quả rốt ráo. Trong kho Như lai có hàng sa pháp gọi là kho Phật pháp. Chứng hội gọi là Nhập, đến bờ Niết-bàn gọi là rốt ráo, đây là không đúng. Vì kho Như lai nghĩa là Phật tánh, mà nói chứng hội pháp nhiều như số cát sông hằng, gọi là nhân đi lên tức trái với kinh nói khi thấy Phật tánh thì được Vô Thượng Giác. Nếu chứng Phật tánh mà không phải quả Bồ-đề, đến bờ Niết-bàn mà không phải là quả viên tịch thì nay nói nhập tức hiểu rõ rốt ráo, chứng biết như thật, tự lợi và lợi tha, nên nói vào kho Phật pháp, tức như kinh Pháp Hoa nói khéo vào tuệ Phật, Đại trí thông suốt bờ kia là chân lý chứng Phật pháp tánh này, nên nói là rốt ráo tức trong kinh ấy nói đến bờ kia. Hai để thường chiếu để lợi mình lợi người nên gọi là đức Thật.

Hiện thành Đẳng giác trong vô lượng thế giới, đây là sau khen rộng đức quyền (Quyền đức). Có hai: Một là khen chung, có thuyết chép: Các Bồ-tát mỗi vị đều ở một cõi thành Phật hóa sinh, cho nên nói vô lượng thế giới. Nhưng Tâm này không đúng. Vì Bồ-tát Sơ địa có cảnh giới thần thông còn gấp trăm lần cõi Phật huống chi là Bồ-tát Pháp Vân hóa vật thế giới có thể đếm được mà nói mỗi vị ở một cõi ư? Chắc chắn không phải là lý đúng. Cho nên ở đây nói mỗi vị Bồ-tát đều ở vô lượng thế giới mà hiện thành Đẳng Giác.

Ở tầng trời Đâu-suất nói rộng Chánh pháp, đây là sau khen riêng, có chín: Một là Bồ cõi này mà lên trời; hai là giáng thân vào thai; ba

là ra thai dị thường; bốn là giỏi nghề hiểu rộng; năm là thi tài lấy vợ; sáu là xuất tục theo tà; bảy là hàng ma thành Chánh giác; tám là giáo hóa bằng chánh pháp khắp nơi; chín là Quy chân lợi vật. Ở đây là thứ nhất: Ở cung Trời Đâu-suất tức là lên trời. Nói rộng Chánh pháp là hóa độ các vị trời. Phạm Thiên là Đổ-Sử-Đa-Đề-Bà, dịch là trời Hỷ Túc, các Đức Phật thường thực hành Trung đạo, nên các Bồ-tát đều sinh ở tầng trời này, tức Kinh Trang Nghiêm chép: Từng ở trăm ức na-do-tha câu-chi Phật, theo Phật xuất gia. Từng ở năm mươi ức na-do-tha câu-chi-Phật mà làm Đại thí, từng gần gũi ba trăm năm mươi câu-chi các Bích-chi-phật, đã từng giáo hóa vô lượng A-tăng-kỳ các chúng Thinh văn, đều khiến trụ vào chánh phương tiện, vì muốn chứng Vô Thượng Giác nên hướng về Nhất sinh Bồ xứ, từ cõi này chết rồi liền sinh lên tầng trời Đâu-suất, làm con của vị trời ấy tên là Tịnh Tràng. Các thiên tử... có số trăm ngàn câu-chi Na-do-tha nhóm họp tại pháp đường, vây quanh Bồ-tát mà nghe nhận Đại pháp Vô thượng được nói ra, dứt bỏ các phiền não, sinh tâm rộng lớn. Rồi tầng trời ấy giáng thần vào thai mẹ, là thứ hai, nói giáng thần vào thai. Muốn giúp cho chúng sinh sinh tâm tôn trọng dễ nhận điều nói ra, nên bỏ tầng trời ấy mà giáng thần vào thai. Khi ấy nói Bồ-tát khi muốn giáng sinh thì mười hai năm trước có Trời Tịnh Cư xuống Diêm-phù làm Bà-la-môn nói luận Vi-đà. Mười hai năm sau có một bậc tôn quý hiện hình voi trắng chui vào thai mẹ, đủ tướng Đại nhân, nếu xuất gia thì sẽ thành Phật. Lại có thiên tử xuống cõi Diêm-phù-Đề bảo Bích-chi-phật nên bỏ cõi này, sẽ có Bồ-tát giáng thần vào thai. Khi đó, ở thành Vương xá trong núi Vĩ-Bàn có vị Bích-chi-phật tên là Ma-đăng nghe lời nói ấy rồi bèn bay lên hư không cao bảy cây Đa-la, phát ra lửa đốt thân mà nhập vào Niết-bàn, chỉ xá-lợi của vị ấy từ trên không hạ xuống nước Ba-la-nại. Có năm trăm vị Bích-chi cũng đều như thế. Lúc ấy, Bồ-tát ở trên cõi trời nhìn thấy các cõi nước ở các phương mọc lên một tòa điện lớn tên là Cao Tràng, rộng mỗi bề sáu mươi bốn do-tuần, Bồ-tát nói một trăm lẻ tám pháp môn cho các vị trời nghe, nói từ Tín pháp môn cho đến cuối cùng là pháp môn Quán đảnh. Rồi từ cung trời ấy mà hạ sinh vào thai. Có một vị Thiên tử tên là Thắng Quang đã nói như thế trong Vi-đà luận (Phệ-đà) rằng Bồ-tát hạ sinh bằng cách hoá thành voi trắng mà vào thai mẹ. Bồ-tát ở từ mùa đông cho đến mùa xuân trong tháng Tỳ-xá-khư chẳng lạnh lắm, chẳng nóng lắm. Tinh tú hợp cùng trăng sáng tròn sạch. Sao Phát-sa hợp với mặt trăng, mẹ lại trai giới thanh tịnh, lúc bà ngủ nghỉ an ổn bèn hiện hình voi trắng sáu ngà, răng màu vàng, đầu có ánh sáng đỏ, hình

tướng các căn đều đầy đủ. Chánh niệm rõ ràng bèn giáng thần vào thai bên hông phải của mẹ. Thật khó thể khen ngợi hết các đức của Bồ-tát, không biết làm sao để giải thích. tám tướng này gọi là tám tướng Thích-ca, là các hạnh thắng tấn của Bồ-tát. Lại khi hiện tám tướng thì các Bồ-tát đều hiện tướng giống như chúng sinh. Cho nên dẫn kinh ấy mà giải thích sự tôn quý trang nghiêm. Chín tướng Bồ-tát này đâu có gì trái, chỉ vì văn kinh rườm rà, e phí lời luận nói. Cho nên nay theo nghĩa mà gọn lời, nêu kinh để đủ lý. Bồ-tát ở trong thai trang nghiêm tuy nói rộng hoặc hẹp nhưng đều nêu ra ba thứ: Một là cung điện, tức các tầng trời cõi Dục đều dâng lên vua (vua Luận Đàn) cung điện đẹp nhất, vua cũng vì Bồ-tát mà tạo cung điện đẹp đẽ nhất ở nhân gian không có. Bồ-tát có oai lực khiến trong các cung điện đều hiện thân Thánh mẫu Ma-da, đều có Bồ-tát kết thai ở hông phải. Các vị trời tự bảo mẹ của Bồ-tát chỉ ở cung ta. Điện báu của Bồ-tát dài rộng mỗi bề ba trăm do-tuần, vây quanh ba lớp đều dùng hương trời ngũ đầu chiên-đàn mà tạo thành, một phần hương ấy có giá trị vô cùng, hơn cả Tam thiên Đại thiên thế giới. Cung điện các vị trời cõi Dục đều hiện trong cung điện của Bồ-tát. Khi sắp vào thai thì các cung điện này đã có trước trong hông phải của mẹ. Sau đó, Bồ-tát mới từ cung trời giáng thần vào thai ở trong cung điện này mà ngôi kiết già; hai là việc ăn uống. Đêm Bồ-tát vào thai mẹ thì từ lớp nước, hoa sen xuyên đất mọc lên đến trời Phạm Thế, mỗi bề đều rộng sáu mươi tám lạc-xoa do-tuần, chỉ có Phật, Bồ-tát và Đại Phạm Vương thấy, còn ngoài ra không ai thấy. Các thức ăn ngon nhất trong Tam thiên thế giới cũng như cam lộ đều hiện trong hoa ấy. Vua Đại Phạm Thiên dùng bình Tỳ-Lưu-Ly đựng đầy cam lộ ngon ngọt mà dâng lên Bồ-tát. Bồ-tát thọ thực chỉ trừ thân cốt sau của Bồ-tát không ăn. Đây là phước báo do hoa mẫu y được cứu bịnh trong đêm dài hầu, bậc thánh chiêu cảm ra; ba là Hóa vật: Bồ-tát ở trong thai thân tướng sáng suốt chiếu khắp các thế giới, Tứ Đại Thiên Vương, Đại Tướng Dạ-Xoa cùng các quyến thuộc Thích Đề-hoàn Nhân cùng trời Ba mươi Ba ở thế giới Ta-bà đứng đầu là vua Đại Phạm Thiên cùng vô lượng chúng phàm. Như thế theo thứ lớp đứng giờ vào buổi sáng đều được nghe pháp, đều thấy Bồ-tát, được Bồ-tát thăm hỏi an ủi, nghe pháp xong thì đánh lễ mà lui ra. Vô lượng Bồ-tát ở mười phương mỗi ngày đứng giờ đều được nghe pháp rồi hỏi đáp lẫn nhau. Chỉ có người đồng hạnh mới thấy, còn Ma-da không thấy biết gì theo kinh ấy thì vô lượng vị Nhất sinh Bồ xứ và các Thiên tử cõi Sắc, cõi Dục trong các thế giới ở mười phương đều đến tầng Trời Đâu-suất cúng dường Bồ-tát. Bồ-tát từ cung

trời Đâu-suất tối thắng mà giáng sinh. Khi đó phát ra ánh sáng từ thân chiếu khắp thế giới Tam thiên, sáu thứ rung chuyển có mười tám tướng mà ở đây không có, bởi lược bỏ bớt.

Từ hông phải sinh ra, đây là phần thứ ba nói ra thai khác thường, gồm có ba: Một là chỗ sinh khác thường. Có thuyết nói Ma-da mười tháng đã mãn ngồi xe vân mẫu đến vườn Lâm-Vi-Ni, tay vịn cây vô ưu, từ nách phải sinh ra là không đúng. Xét Kinh Trang Nghiêm không có nói việc này. Cho nên nay Bồ-tát ở trong thai mười tháng đã mãn khi sắp ra thai thì Thánh hậu liền biết. Đầu hôm thưa vua muốn đến vườn Long-tỳ. Vua liền sai các quan phò giá hai mươi ngàn voi trắng, hình dạng giống như tiên, đầy đủ binh lính tay cầm dao gậy và các thứ vật báu. Vườn Long tỳ như vui mừng đón Thánh hậu ngồi xe đến. Cả thế giới rung chuyển sáu cách. Đế-Thích làm cho đường đi sạch sẽ, bốn vị Vương ngồi xe, Phạm Thiên dẫn đầu trừ các vị có hình tướng hung xấu, tất cả đều đến vườn dạo xem cây báu ấy, mẹ của các Đức Phật quá khứ. Tất cả cùng đến ngồi dưới cây báu. Khi đó trăm ngàn vị trời Tịnh cư cũng đến dưới cây ở vườn ấy mà đi nhiều quanh Thánh hậu, vui mừng khen ngợi. Lúc đó thân Thánh Hậu phát ra ánh sáng, rồi ngó cây đưa tay phải vịn cành phía Đông của cây mà đứng thẳng thì Bồ-tát sinh ra một cách an lành từ hông phải. Đế-Thích, Phạm Vương cúi mình đưa hai tay phủ khăn lụa mà ẵm bồng Bồ-tát về Phạm cung. Hiện đi bảy bước cho đến là Đấng Vô Thượng, đây là kế bày tướng lạ thường (đi mười hướng, bảy mươi bước). Bồ-tát sinh rồi không cần ẵm đỡ, liền hướng về mười phương mỗi phương đều đi bảy bước, dưới mỗi bước chân đều mọc hoa sen, không chút sợ hãi. Đây là nói lên năng lực trượng phu mạnh hơn sáu đường nên đi bảy bước, Ánh sáng chiếu khắp mười phương, là ánh sáng từ thân, làm lợi ích chúng sinh. Kinh ấy nói Bồ tát phát ra ánh sáng vô lượng màu sắc lạ, khắp thế giới tam thiên. Chúng sinh nào được chiếu thì tâm an vui, xa lìa tham, sân, si, lìa các tội chướng. Rung chuyển sáu cách là muốn cho ma sợ sệt quy phục. Chấn là động. Theo Kinh Trường A-hàm thì có ba mươi sáu thời động. Động nghĩa là vào thai, xuất thai, xuất gia, thành Đạo, quay bánh xe pháp và nhập Niết-bàn. Nay Động tức là xuất thai. Thời có mười hai phương động, nghĩa là phía Đông dựng lên thì phía Tây chìm xuống, Nam dựng Bắc chìm, Bắc dựng Nam chìm, giữa dựng ngoài bìa chìm, bìa dựng trong chìm - ba mươi sáu tướng động là Động, dũng, chấn, kích, hống, bạo, diêu, dương, bất an là động. Lên xuống lồi lõm là dũng, ầm ầm có tiếng là chấn, có đánh gõ đập là kích, ầm ầm soang soảng phát ra tiếng vang là

hống, phát ra tiếng kinh khiếp lạ thường là bạo. Ở đây mỗi thứ đều có ba: Gọi là mười tám thàng, nghĩa là động, năm thứ động kia đều như thế. Trong sáu động này tức sáu tướng động. Nên kinh Trang Nghiêm nói sáu động có mười tám tướng. Đấng Đấng Vô Thượng tức là tự khen tôn hiệu khiến mọi người nương về. Nếu nói đủ thì đi về hướng Đông chép: ta được tất cả pháp lành sẽ nói cho chúng sinh nghe. Ở hướng Nam chép: ta ở trong trời, người đáng nhận cúng dường. Ở hướng Tây chép: Ta ở thế gian là bậc cao quý nhất. Ở hướng Bắc chép: Ta là bậc cao tốt nhất của chúng sinh, ở hướng (dưới) nói ta sẽ hàng phục tất cả Ma quân. Ở hướng trên chép: Ta sẽ được tất cả chúng sinh ngược nhìn. Khi Bồ-tát nói các lời ấy thì khắp cả Tam thiên thế giới đều nghe thấy. Tuy có việc lạ thường này nhưng đều do Thế tôn tạo ra, nên nói chung là Đấng Vô Thượng. Như kinh ấy nói Bồ-tát trong a-tăng-kỳ trăm ngàn câu-chỉ na-do-tha kiếp tu hành tinh tấn, nên khi mới sinh liền đi khắp mười phương, mỗi phương đều bảy bước, được oai thần của tất cả các Đức Phật che chở khiến đất này hóa thành Kim cương, nên Bồ-tát đi không bị ngã.

Thích Phạm đều hầu hạ, trời, người đều quy kính, đây là nói trời, người đều hầu hạ nương về. Bồ tát sinh rồi ở vườn Long-Tỳ-Ni bảy ngày bảy đêm trời, người đều tấu trỗi các thứ âm nhạc để dâng cúng tôn nhan. Có ba mươi hai ngàn vị Bà-la-môn nổi tiếng thông minh hễ cần vật gì đều được đầy đủ.

Các vị Phạm Vương, Đế-thích khiến thân Bà Ma-da oai nghiêm ở giữa chúng hội, ngồi trên một tòa cao nhất, mà khen ngợi sự tốt lành nhiệm mầu. Trời Ma-hê-thủ-la và trời Tịnh cư thiết lễ đại cúng dường và tuyên bố Bồ-tát này chắc chắn được thành Phật, rồi trở về nước mình. Khi sinh xong bảy ngày thì Thánh hậu Ma-da qua đời và sinh lên tầng trời Ba mươi Ba. bảy ngày sau thì Ca-tỳ-la lại tổ chức lễ lạc rất trang nghiêm tốt đẹp hơn khi Thánh mẫu đến vườn Long-Tỳ-Ni. Có năm trăm người họ thích đều xây dựng cung điện thỉnh vua mà thưa rằng: lành thay, xin thánh thượng nhận cung điện của chúng tôi để kỷ niệm ngày thành đạt lớn. Rồi đặt tên cho Bồ-tát là Tát-bà-tát-đạt-đa. Vua cho ẵm Bồ-tát đến khắp các cung dòng họ Thích, phải bốn tháng mới giáp hết. Bèn rước Bồ-tát về cung vua. Trong cung có một ngôi điện lớn tên là Bảo Trang Nghiêm. Vua cho mời trong thân tộc chọn người lớn tuổi đức cao, có bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề là dì ruột đứng ra nuôi nấng Bồ-tát, bà sai ba mươi hai bà mẹ chăm sóc Bồ-tát, Bồ-tát ví như vầng trăng sáng thanh tịnh tròn đầy.

Thị hiện tính đếm cho đến thông suốt các sách, đây là thứ tư nói Thái tử tài giỏi hiểu rộng. Toán kế là số và văn, tức thơ và sách. Nghê là lễ nhạc, xạ là bắn cung, ngự là cưỡi ngựa. Đó gọi là sáu nghề. Sáu nghề Bồ-tát đã biết từ lâu nhưng thị hiện có học tập. Nghĩa đạo thuật trong đây là sách phép của thần tiên, sách lạ của thế tục gọi là các sách, đạo thuật bí truyền đều rành rẽ nên gọi là Quảng tổng. Quán là Thông, luyện là biết rõ nguồn cội. Giáo lạ thế tục cùng đều rành rẽ nên gọi là quán luyện, kinh ấy nói Bồ-tát mới bảy tuổi đã đầy đủ oai nghi tốt lành. Tất cả trời, người, tám bộ và dòng họ Thích đều theo Luân Đàn Vương, dẫn Bồ-tát đến trường học. Lúc đó, có nhà thông thái là Tỳ-xà-mật-đa thấy Bồ-tát oai vệ đến thì hổ thẹn quỳ sát đất, thiên tử cõi trời Tri Túc tên là Diệu Thân đỡ lên. Vua về bốn cung thì thấy Bồ-tát đọc sách trời (bằng thẻ chiên-đàn) thoa hương trời, trang sức bằng ngọc sáng Ma-ni. Bèn hỏi thầy có sáu mươi lăm sách nên dạy sách nào? Lúc đó, Tỳ-Xà-Mật-Đa nghe điều chưa nghe, vui mừng khen Bồ-tát thế gian không ai hơn. Mười ngàn trẻ nhỏ cùng đến học với Bồ-tát. Lúc đó, Bồ-tát cất tiếng nói vô lượng pháp môn khiến ba mươi hai ngàn bé trai, ba mươi hai ngàn bé gái đều phát tâm Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng. Đó là thị hiện vào trường học. Dạo ra vườn sau... đến trong chốn sắc vị, là thứ năm, nói Thái tử thi tài cưỡi vợ - giảng võ thi nghề là việc trước khi cưỡi vợ, ở trong chốn sắc vị là việc sau khi cưỡi vợ. Có nơi dẫn kinh Bản Khởi nói rằng: Ném voi đấu sức giáng võ, cùng bắn trống vàng gọi là thi nghề. Có thuyết cho rằng nay Bồ-tát tuổi đã lớn khôn, vua bèn hỏi vợ cho Thái tử là nàng Gia-du-đà-la xinh đẹp bậc nhất, là con của quan Đại thần Chấp Trượng. Chấp Trượng nói theo phép nhà ta, phải thi tài hơn người mới được lấy con gái ta làm vợ. Vua nghe thì lo buồn không vui. Bồ-tát thưa vua cứ cho mời thi đấu, con có thuật lạ. Bèn ở ngoài thành vua cho lập một chỗ thi tài mời khắp dân chúng trong nước ai có tài nghệ đến thi đấu. Đến bảy ngày thì có năm trăm người dòng họ Thích ghi tên, Bồ-tát đứng đầu, cùng đến thi đấu. Vua cho voi trắng đón Bồ-tát. Đề-bà-đạt-đa đến trước sinh tâm ghen ghét, bèn nắm vòi voi kéo Vương xá cái thì voi chết. Nan-đà lúc ấy ra cửa thành thấy có voi trắng nằm chết giữa đường bèn lấy tay kéo qua bên lề đường. Bồ-tát đang ngồi trên xe dùng ngón chân trái vít voi lên hư không, bay qua bảy lớp thành cách một câu-lư-xá, nơi voi rớt xuống thành một cái hầm lớn, người đời gọi là hầm voi. năm trăm người họ Thích cùng đến chỗ thi đấu mời Tỳ-xà-mật-đa làm giám khảo xem ai là người giỏi hơn hết. Tỳ-xà-mật-đa mỉm cười nói trong trời đất có bao nhiêu chữ nghĩa

thì Thái tử là giỏi nhất. Vua cũng hỏi Át-thuận-na xem ai giỏi toán số. Lúc đó Bồ-tát đọc số khiến các em bé thứ lớp tính không được, nhưng năm trăm em bé cùng đọc số thì Bồ-tát tính không lộn, Át-thuận-na cho là ít có và khen là trí nhạy bén, không ai bằng nổi Bồ-tát. Năm trăm người họ Thích cùng thi đánh vật, chia làm ba mươi hai cặp. Nan-đà được xem là người mạnh mẽ và khi Bồ-tát chạm tay vào mình ông thì ông liền ngã quỵ. Đề-bà-đạt-đa kể xuất chúng muốn đánh thắng Bồ-tát. Bồ-tát an nhiên dùng tay phải muốn dẹp sự ngã mạn của ông bèn ba lần hất ông lên hư không, nhưng vì lòng từ bi nên không gây thương tích gì. Các người họ Thích đều giận dữ cầm vật bén nhọn cùng ùa đến đâm Bồ-tát, Bồ-tát chỉ tay thì đều té ngã. Khi ấy, quan Đại thần Chấp Trưởng cho thi bắn cung. A-nan-đà bảo đặt trống đồng xa hai câu-lư-xá, Đề-bà-đạt-đa bảo để xa bốn câu-lư-xá, Tôn-đà-la-nan-đà bảo để xa sáu câu-lư-xá. Quan Chấp Trưởng bảo hãy để xa tám câu-lư-xá, Bồ-tát thì bảo đặt xa mười câu-lư-xá. Bồ-tát có bảy thuẫn sắt và bảy cây đa-la sắt. A-nan, Đề-bà, Nan-đà và quan Chấp Trưởng tự tiếc nuối vì không bằng. Khi Bồ-tát kéo mạnh thì không ai giương nổi. Bồ-tát chỉ kéo nhẹ rồi buông tay thì dây cung phát ra tiếng vang khiến nhân dân trong thành Ca-tỳ-la đều kinh hồn. Sau đó, Bồ-tát bắn một phát thì mũi tên sắt xuyên qua cả bảy thuẫn sắt và bảy cây đa-la sắt rồi rơi xuống đất tạo thành một cái giếng sâu. Sau người ta gọi là giếng tên. Trời, người đều bảo Thái tử xưa nay chưa hề học tập mà rành các nghề. Do đó, quan Chấp Trưởng bèn gả con gái cho. Nay nói giảng võ tức là đấu sức bắn tên. Thí nghệ tức là thi thơ tính đếm. Vườn sau tức là vườn ở ngoài thành, hiện xứ (chỗ ở) Nan-đà ưa thích ái dục nên thị hiện chỗ ấy. Tứ kinh ấy chép: khi ấy, Bồ-tát thuận theo phép thế gian hiện thân ở trong cung tám mươi bốn ngàn thể nữ vui thú không ngừng. Gia-du-đà-la là vợ chánh ở trong cung, khi ấy khiến được tám mươi bốn ngàn gái đẹp đều phát tâm Vô Thượng Giác, vô lượng các vị trời đều đối với Chánh đẳng Bồ-đề Vô thượng được không lui sụt, nói kệ cao siêu, khuyến thỉnh Bồ-tát mau xuất gia.

Thấy già, bệnh, chết vào núi học Đạo - là phần thứ sáu, nói xuất tục theo tà. Có ba: Một là ra khỏi trần tục, bỏ đất nước, tiền của, ngôi vị. Các vị trời khuyến phát xong, Bồ-tát bèn cùng các quan thuộc ra khỏi cửa thành Đông thì thấy trời Tịnh Cư hóa thành người già, bèn sấu lo mà trở về cung. Từ cửa thành Tây lại thấy một xác chết, bèn quày xe trở về. Nay nói thấy già, bệnh, chết tức là trời Tịnh cư hóa ra hình tướng đáng nhàm chán. Hễ có sinh thì bất luận sang hèn đều có già bệnh, chắc

chấn sẽ trở về với cõi chết, nên chỗ sinh rất đáng mừng mà phải nêu bày. Khiến người thấy mà ngộ đời là vô thường. Như kinh nói: Phiền não ba cõi như lửa dữ, mê hoặc mãi chẳng lìa, thường bị thiêu đốt, cũng như đám mây nổi, phút chốc liền biến mất, hợp rồi lại tan như rạp hát, cho nên nói là vô thường. Bỏ đất nước, tiền của, ngôi vị, như bài tụng nói:

*Các pháp Hữu vi đều vô thường
Năm dục tài vị đều bất định
Là khổ sở bức ép các chúng sinh
Xin mau xuất gia để cứu vớt.*

Bỏ tiền của, như kinh nói: đấm nhiễm năm dục như bị sa vào lưới bắt chim, dục như giặc cướp, kẻ thù rất đáng sợ. Năm dục cũng như gai (mũi nhọn) mê đấm năm dục như ôm cây độc. Bạc Thánh bỏ đi như khạc bỏ đàm dãi. Vào núi học đạo tức sở học. Thái tử ra cửa thành phía Bắc thấy người xuất gia, liền xuống xe hỏi: xuất gia có lợi ích gì? Tỳ-kheo đáp: “Ở trong thế gian tu tập Thánh Đạo, điều phục các căn, che chở chúng sinh, không đấm nhiễm thế gian, thường được giải thoát”. Bồ-tát vui mừng bảo: “Trong trời, người, chỉ đây là trên hết, ta nhất định tu học”. Kinh nói như thuở xưa các Đức Phật ở trong núi rừng mà được trí Nhất thiết, rộng tuôn xuống mưa pháp. Nay phải xuất gia.

Trao lại ngựa trắng cho đến, cạo bỏ râu tóc: Đây là kế vào Đạo, mũ báu chuỗi ngọc trao lại cho người hầu đem về, lại bỏ áo quý đẹp, tức là những thứ phải bỏ. Có thuyết nói phục thừa là lúc già biệt nhau, là không đúng, vì như thế không nhận mũ báu và chuỗi ngọc. Nay phục tức là mang, thừa là cỡi ngựa. Ngựa trắng tức là vật cõi, mũ báu chuỗi ngọc tức là đồ trang sức. Bồ-tát nghĩ riêng mình xuất gia là trái giáo pháp, chẳng thuận lý thế tục, bèn đến vua cha thưa rằng: nay con muốn xuất gia, xin cha chấp thuận. Vua bèn ra lệnh cho dòng họ Thích cả bốn mặt thành đều có năm trăm lính cảnh vệ đi tuần không lúc nào ngừng nghỉ. Bồ-tát bảo Xa-Nặc: “Ta muốn có Kiền-trắc” Xa-nặc nghe Thái tử ra lệnh, bèn trang sức vàng báu quý cho ngựa khỏe, chờ lệnh Thái tử. Lúc đó Trời Tĩnh Tuệ làm cho người trong thành đều ngủ mê. Nghiêm Tuệ Thiên Tử hóa thành con đường báu trên hư không. Bồ-tát cỡi ngựa bay lên hư không, bốn vị trời nâng chân ngựa, Phạm Thích mở đường, bèn rời thành Ca-tỳ-la đến vườn Du-Ni. Đêm ấy, Thái tử đi hơn sáu do-tuần. Việc xong, các vị trời, tám Bộ đều biến mất. Bồ-tát bèn đến rừng khổ hạnh Tiên Nhân mà xuống ngựa, bảo Xa-nặc đem ngựa và ngọc báu Ma-ni về dâng vua, còn đai ngọc và các báu khác dâng cho

Du-già-đa-la bảo rằng: người ở thế gian có thương yêu phải có chia lìa. Nay muốn dứt khổ này nên xuất gia học đạo, Xa-nặc òa khóc, ngựa kiền-trắc quy xuống hí vang đau thương. Bồ-tát dùng kiếm báu cạo bỏ râu tóc quăng lên hư không, Thiên đế dùng về cúng dường. Bồ tát khi ấy nghĩ áo báu đẹp không cần mặc nữa thì trời Tịnh Cư bèn hóa thành người thợ săn đổi áo ca-sa cho Bồ-tát. Bồ-tát bèn cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, thành bậc chân xuất gia. Xa-nặc đem kiền-trắc về cung. Bồ-tát đến rừng tiên nhân tu khổ hạnh. Vua sai năm người vào núi hầu Thái tử, không thấy, bèn trốn ở lại rừng. Bồ-tát đến chỗ nữ nhân khổ hạnh Bệ-lưu nhưng đi vắng, lại đến chỗ nữ nhân khổ hạnh Ba-đầu-ma cũng đi vắng, lại đến chỗ tiên nhân phạm hạnh Lợi-bà-đà, cũng đi vắng. Sau cùng đến chỗ hai vị tiên Quang Minh, Điều Phục cũng bảo ngày mai sẽ đi thọ trai. Bèn đến thành Tỳ-xá-ly bên thành có vị tiên A-la-la đang giảng cho ba trăm đệ tử về chẳng có gì thật có, không có gì nhất định, chỉ trong thời gian ngắn thì chứng quả. Nhưng biết nó không giúp hết khổ, bèn đến thành Vương xá vào núi Linh Thứu ở riêng một mình. Các vị trời che chở, giúp đỡ, bèn đắp y ôm bát vào thành Vương xá khát thực. Vua nghe tin than thở rồi lên lầu nhìn Bồ-tát. Bèn sai người hầu dâng cơm mà phát hiện chỗ ở của Bồ-tát. Bồ-tát có nguyện đại Từ bi ở cõi nước này mà chứng Phật Bồ-đề, khiến không còn ngã. Từ xa lẽ rồi, vua liền trở về cung. Luận Trí Độ nói Bồ-tát ở cách thành mười hai do-tuần. Đến chỗ vị tiên Bạt già là nói chỗ cạo bỏ râu tóc cũng chẳng xa hơn sáu do-tuần. Nay nói áo quý đẹp tức là đồ mặc làm đẹp thân. Pháp phục tức là áo hủy hình của thợ săn, mặc áo này thì xa lìa bụi nhơ, nên gọi là pháp phục.

Ngồi thẳng dưới gốc cây cho đến làm việc đáng làm, đây là nói sau lúc theo tà, Bồ-tát nhận lời vua mời đến sông Ni-liên bên thành Vương xá, có vị tiên của Ma-la-la tên là Ô-đặc-ca thường giảng cho bảy trăm đệ tử về Định Vô Tướng, đến nghe vị tiên nói xong bèn ở yên một chỗ tinh tấn tu học liền được trăm ngàn Tam-muội thế gian. Hành tướng các Định đều hiện ra. Khi xuất định hỏi vị tiên thì không còn pháp nào khác, cũng không phải pháp của Sa-môn. Năm vị Bạt-đà-la kia liền bỏ vị tiên về với Bồ-tát. Bồ-tát ra khỏi thành Vương xá cùng năm vị Bạt-đà-la, hướng về sông Ni-liên đến núi Già-da suy tư lìa tham, thân tâm yên tịnh, siêng tu khổ hạnh, liền chứng được thắng trí xuất thế. Bèn đến phía Đông Tây của bờ ao Ưu-lâu-tần-loa thì nước sông Ni-liên trong mát, bờ sông bằng phẳng, xóm làng đông đúc, dần dần đến một nơi vắng vẻ, nghĩ rằng: Từ xưa đến nay những vị tu hạnh Thánh phần nhiều

ở đây, thường thấy các ngoại đạo, chấp ngã kiến mà tu tập khổ hạnh còn ta tu tập là muốn dẹp bỏ chấp ngã, nên rất khổ hạnh, đã trải qua sáu năm không hề biếng trễ. Vào thiền thứ tư tên là định A-bà-bà, thường được trời rồng quỷ thần cúng dường, có khả năng khiến cho mười hai vị Lạc-xoa trụ vào ba thừa. Ma Ba-tuần thường theo rình dịp làm hại mà chẳng được, tâm bèn chán nản buồn rầu bỏ đi. Làm điều đáng làm, có thuyết nói là bỏ tà học Chánh đạo, tức là những gì nên tu học phải cẩn thận mà thực hành. Nếu vẫn như thế thì thuộc thành Đạo, vì sao lại thuộc tướng xuất gia? Có thuyết nói làm theo các hạnh mà bậc Thánh trước đã làm, nên nói việc đáng làm. Ở đây không đúng, các bậc thánh đời trước chưa hẳn đã tu khổ hạnh. Cho nên nay làm việc nên làm là để phân biệt với việc làm cực nhọc mà vô ích không đúng hạnh phương tiện. Tức như luận Du-già dẫn bà tụng rằng:

*Như ta cực nhọc
Như thế như thế
Yếu kém như ta
Yếu kém như thế
Như như thế thế
Trụ ta đã trụ
Như thế nêu đây?*

Trong đây khi tu khổ hạnh chẳng thuộc phương tiện, mạnh mẽ tinh tấn thì gọi là cực nhọc. Thực hành phương tiện tà: Vọng chín Pháp lành bị mất thì gọi là giảm kém, đã biết mất các pháp lành rồi thì đó là phương tiện tà. Nên nói Chánh trụ, bỏ các khổ hạnh mà cầu thầy khác. Bèn ở bên Ót-đạt-lạc-ca-a-trà v.v... các chỗ tà chấp mà thuận theo quán sát nên gọi là chìm nổi. Nói theo đây thì Bồ-tát các khổ hạnh nào cũng tu nhưng đã đến Chánh hạnh phương tiện, nên nói làm việc đáng làm. Tu khổ hạnh rồi đối với các vị thầy khác thuận theo quán sát, bèn bỏ các quán hai Định trước đã tu, nên chẳng trái nghĩa kinh.

Hiện ở cõi đời có năm thứ vẫn đục cho đến vịn cành cây lên khỏi ao, là thứ bảy nói về hàng phục trụ ma thành đạo. Có năm, Vương xá là tằm gọi thân dơ - sát là cõi, Bồ-tát đã biết khổ hạnh chẳng phải nhân Bồ-đề. Cũng nghĩ rằng xưa vua cha ở trong vườn dưới cây Diêm-phù tu được bốn thiền là Nhân Bồ-đề, nên nhận thức ăn ngon cho thân có sức khỏe mới đến được Bồ-đề tràng. Năm vị Bạt-đà-la liền bỏ Bồ-tát mà đến Ba-la-nại chỗ vị tiên Đạo Xứ mà trước đây Bồ-tát đã tu khổ hạnh. Chủ xóm Ưu-lâu-tần-loa tên là Tư-na-bát-đề có mười người con gái từ xưa đã từng cúng dường lúa mè cho năm vị Bạt-đà-la. Bồ-tát biết bỏ

khổ hạnh trở lại ăn uống, thì không bao lâu sắc tướng sẽ sáng đẹp trở lại, bèn đến rừng thây ma lượm các vải áo rách mặc vào để thay cho áo khổ hạnh, hỏi nơi nào có nước, thì có một vị trời ở trước Bồ-tát tay chỉ xuống đất liền thành một ao nước sạch. Sau lại nghĩ ở đâu có đá, thì Thích Đề-hoàn Nhân bèn đặt một tảng đá vuông ở giữa ao. Bồ-tát bèn đến đó giặt rửa và tắm gội. Lúc đó, ma Ba-tuần biến bờ ao cao lên. Bên bờ ao có cây A-tư-na, thân cây bèn đè cành cây xuống, Bồ-tát vịn cây mà lên. Ở dưới cây ấy Bồ-tát mặc áo cũ, trời Tịnh cư tên là Vô Cấu Quang đem áo ca-sa của Sa-môn đến cúng dường. Bồ-tát nhận rồi, buổi sáng ấy Bồ-tát mặc Tăng-già-lê vào xóm khát thực. Có nàng Thiện Sinh nghe thân cây mách bảo, bèn lùa ngàn con trâu vắt sữa, nấu sôi bảy lần, rồi gạn lấy chất tinh túy bên trên đem nấu với gạo thơm thành cháo sữa. Bên trên hiện tướng lành bánh xe ngàn căn Ba-đầu-ma. Có vị tiên bảo ăn vào sẽ được Bồ-đề. Nàng Thiện Sinh nấu xong liền bảo Ưu-đa đến thỉnh Phạm Chí, liền đi khắp bốn phương mà tìm thì thấy chỉ có Bồ-tát. Bèn thưa với Thiện Sinh là chẳng thấy Phạm Chí, chỉ có Sa-môn Cù-đàm. Nàng Thiện Sinh bèn đến mời. Bồ-tát dùng xong bèn ra khỏi xóm Ưu-lâu-tần-loa, đặt bát bên bờ sông Ni-liên, cạo bỏ râu tóc và xuống sông tắm gội, tắm xong ngồi ở bờ sông. Vương phi của Long vương đem dâng tòa báu. Ăn xong cháo sữa thì hình tướng như xưa, bèn ném bát xuống sông, rồng đầu đàn định lấy về cúng dường thì Đế-thích hóa thành chim cánh vàng cướp lấy đem về xây tháp cúng dường, vì Bồ-tát có năng lực phước tuệ. Cho nên dùng cháo sữa thì tướng tốt càng sáng đẹp rực rỡ. Tóm lại, Phật hiện tướng hóa độ ở cõi đời có năm thứ vẫn đực thuận theo chúng sinh mà thị hiện có cát bụi, tắm gội khiến sạch sẽ. Cho nên thị hiện tắm gội. Dưới sông cát vàng, trời đè cây, tức sông vàng là sông Ni-liên. Đè cây tức là cây bên bờ ao, trước sau cùng nêu cho nên không trái nhau. Thân cũng gọi là trời.

Chim linh cũng bay theo đến đạo tràng, là phần thứ hai đi đến Đạo tràng. Bồ-tát sau khi tắm gội thân thể, ăn cháo sữa rồi khí lực bình ổn Chánh niệm hướng về cây Bồ-đề. Từ sông Ni-liên đến cây Bồ-đề được quét dọn sạch sẽ cả thế giới Tam thiên. Các cây các núi hoặc lớn hoặc nhỏ đều rạp mình trước cây Bồ-đề. Các tầng trời cõi Dục đều hóa thành bảy báu, cách hai khoảng cây Đa-la có ao bảy báu. Đường đi và thêm bậc ở bốn phía ao đều bằng bảy báu. Có các loài chim quý như ca-lăng, tần-già, chim nhạn, chim cộng mạng... hót tiếng êm tai, khi đến cây của Bồ-tát thì thân đầy khắp vô lượng ánh sáng. Lại có vô lượng chim anh vũ, xá-lợi, câu-chỉ-la, ca-lăng-tần-già, chim nhạn, uyên ương, chim

công, phỉ thúy, cộng mạng v.v... bay lượn vây quanh hót ca riu rít. Đêm Bồ-tát sắp ngồi tòa Bồ-đề thì trời Đại phạm dùng năng lực thần thông khiến cõi Tam thiên hết sạch các bùn cát ngói gạch gai góc, khiến đất bằng phẳng như bàn tay, không có gò đồi hầm hố, đều tô điểm bằng bảy báu. Có mười sáu vị vua trời đem vật quý báu nhất giữ gìn Bồ-đề tràng, đều chứng vô sinh nhẫn. Lại có bốn thần giữ cây Bồ-đề Đề-tỳ-lưu-bạc-cù-tô-ma-na... đều dùng thần lực biến cây Bồ-đề thành cao rộng trang nghiêm đẹp đẽ, mỗi bề đều cao bằng tám mươi cây đa-la. Vì Bồ-tát thường hàng phục ma oán nên dùng tướng Đại nhân quay mặt về hướng Tây mà đến Bồ-tát tràng. Có thuyết nói có năm trăm chim sẻ màu xanh bay theo sau Phật, gọi là cầm dực, đều là chim thần, cũng gọi là chim linh, không phải chỉ có chim sẻ màu xanh như trước đã dẫn. Cho nên nay cũng nói bay lượn theo sau, là nói lên sự kỳ lạ - Trời đê càn cây là ý nói chúng sinh chiêu cảm mà phát ra như thế. Vịn cây lên khỏi sông là ý nói Phật ứng phó các căn cơ. Chim linh là tượng trưng quyến thuộc cùng đi. Nếu không như thế thì trái. Kinh Vô Cấu Xưng nói có tới lui làm mọi việc đều là Phật sự cả.

Cảm ứng điềm lành cho đến ngồi kiết già, là phần thứ ba nói về điềm cỏ lành thành Thánh. Bồ-tát liền biết các Đức Phật quá khứ đều ngồi cỏ sạch mà thành Chánh Giác. Lúc đó, Thiên đế hóa thân, thành người cật cỏ, ôm cỏ đứng bên Bồ-tát, cỏ xanh đẹp như đuôi công. Hỏi tên cỏ thì đáp là cỏ Cát Tường. Bèn nghĩ rằng: ta muốn cầu lợi mình lợi người mà Cát Tường đứng bên ta thì nhất định là chứng Bồ-đề, nên nói bài tụng rằng:

*Cát Tường hôm nay người
Hãy mau dâng cỏ sạch,
Ta sẽ ngồi cỏ ấy
Hàng phục các ma quân,
Nếu khi chứng vắng lặng,
Thì hỏi đạo Vô thượng.*

Cát Tường nghe xong liền dâng cỏ sạch lên Bồ-tát, trước thọ ký Bồ-đề sau nhận cỏ sạch.

Bồ tát bảo Cát Tường rằng: Không phải chỉ ngồi cỏ sạch mà được Đại Bồ-đề, mà phải tu vô lượng đức mới được Phật thọ ký, Cát Tường người nên biết ta chứng Bồ-đề rồi, phân bố khắp các thế gian, người phải ở chỗ ta, nghe nhận pháp Cam Lộ. Bồ-tát lấy cỏ bày khắp, sắp chứng Bồ đề mặt quay về hướng Đông ngồi kiết già trên cỏ sạch mà phát thệ rộng lớn rằng: Tội nay nếu chẳng được Đại Bồ-đề Vô thượng,

thà nát thân này, không bao giờ đứng dậy. Tóm lại khi Phật sắp thành đạo thì cảm được Cát Tường là điềm lành, nên biết chắc chắn thành Chánh giác mà lợi ích khắp tất cả. Cho nên nói Cát Tường chiêu cảm điềm lành. Tức dùng điềm lành này mà nói lên chỗ thành công quả phước đức, cho nên nói biểu thị phước tộ. Tộ là phước, giúp. Chương là bày, hiểu. Ý nhận cỏ là chứng Đại Bồ-đề mà lợi lạc chúng sinh, cho nên nói thương xót nhận cỏ, nường cây thành Chánh Giác nên gọi là Phật thọ. (Cây Phật, cây giác, cây Bồ-đề) tức ở trung tâm của thế giới Tam thiên. Chúng sinh nên thấy đã có muôn phẩm cho nên Phật hiện bày tòa ngời, cũng là nói Thánh giáo bất định mà chú ý cứu xét vào đó. - Ngời kết già tức là ngời hàng phục ma, có hai cách: Ngời hàng phục ma thì đặt chân trái trên đùi phải, nếu ngời Cát Tường thì đặt chân phải trên đùi trái. Nay ta tuy ý hàng phục ma mà tưởng thành Phật nên ngời Cát Tường. Già là trọng tức ngời treo chân nhau, gọi là già thì chẳng biết do đâu.

Phát ra ánh sáng rực rỡ cho đến đều khiến ma bị hàng phục, là phần thứ tư nói về trí lực hàng ma. Có thuyết nói nghĩa ma này có tám thứ không ngoài bốn đảo, gần thì phá chánh giải, xa thì chương chân đức, nếu không phải tai họa của Thịnh văn thì cũng là kẻ thù của Bồ-tát, nên gọi là Ma. Nhưng ở đây chẳng phải thế - Vì các thứ có qua lại phải là Ma trời, lại thị hiện làm các tướng phi thường. Cho nên ma có nhiều loại nhưng ma bị hàng phục ở đây là Ma trời. Cho nên Bồ-tát ngời tòa Bồ-đề nay thành Chánh giác thì Ma Vương Ba-tuần phải bị hàng phục, khiến phát tâm Bồ-đề. Nên Ngài liền phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày chiếu khắp thế giới Tam thiên, chiếu cả cung điện ma Ba-tuần. Ma Vương thấy ánh sáng bảo rằng:

*Đời có người thanh tịnh trên hết
Qua nhiều đời tu hành đã xong
Đó là họ Thích, bỏ ngời vua
Hiện nay đang ngời tòa Bồ-đề.
Người tự xưng là rất mạnh mẽ
Hãy đến cây ấy mà giao tranh.*

Ma Ba-tuần nghe kệ xong thì mộng thấy cung điện mình tối đen rung chuyển không yên. Thức dậy thì khắp thân thể run rẩy, tâm thần kinh khiếp. Ma có ngàn người con, năm trăm người bên phải thì quy y Bồ-tát, năm trăm người bên trái thì khen giúp Ma Vương. Ma Vương bảo các con tìm đủ cách để phá dẹp Bồ-tát. Con ma bên phải tên là Hữu Tín thưa với Ba-tuần rằng: Nếu sức nghiêng nát cõi Tam thiên - sức lớn

như thế khắp cát sông, Chẳng động sợi lông chân của Bồ-tát, đâu đủ sức hại người trí tuệ. Đứa con bên trái tên là Bách Tý lại thưa với Ba-tuần rằng: nay con có cả trăm cánh tay, mỗi cánh tay đều phát ra trăm mũi tên, Đại vương cứ đi chỗ sợ sệt, như Sa-la này ai hại được. Các con của Ma Vương rất hăng hái mạnh mẽ không tả xiết. Ma Vương lại ra lệnh các con gái hãy đến dưới gốc cây kia mà dụ dỗ người họ Thích phá hoại tịnh hạnh. Rồi xua các Ma nữ đến trước Bồ-tát mà trêu ghẹo, dùng ba mươi hai thứ mê hoặc Bồ-tát, lại nói tụng rằng: Tiết xuân ấm hòa vui, cỏ lá rừng xinh tươi, chàng hãy nên vui gấp, kéo bỏ uổng xuân thời, dẫu khô ngô đẹp đẽ, năm dục khó tìm cầu, đối đây mà vui thú, chẳng hơn Bồ-đề hay sao? Bồ-tát nghe xong lòng rất buồn thương, bèn nói kệ rằng: Ta thấy năm dục đây ràng buộc, do phiền não ấy mất thần thông, ví như hầm lửa và chất độc, chúng sinh lao vào mà chẳng biết, thân ấy lống dối từ nghiệp sinh, bốn đại năm uẩn giả hợp thành, gân cốt thịt da tạm gá có, người trí ai đâu thêm mê đắm, phàm phu mê lầm sinh tâm dục, ta đã giải thoát ở thế giới, như gió trên không ai buộc được, đây da đựng đầy thứ hôi tanh, ta chẳng ham đâu hãy đi mau. Các ma nữ chẳng làm gì được bèn rải hoa khen ngợi, đi nhiều ba vòng, đánh lễ bỏ về thưa với Ma Vương rằng: Chúng tôi xưa nay chưa hề thấy có người như thế. Ở trong cõi Dục nhìn dung nhan đẹp đẽ của chúng tôi mà tâm không xao động. Xin Đại vương chớ ganh ghét, ngăn trở người ấy nữa. Khi ấy, ma Ba-tuần đến dưới cội Bồ-đề bảo Bồ-tát rằng: Ông nên mau thành Luân Vương, Bồ-đề khó được, chớ nên cực nhọc. Bồ-tát chép: Ta chẳng ham năm dục, chỉ như ăn đồ ối ra, ta quyết ngồi tòa Kim cương chứng được Bồ-đề. Người chẳng nên nói nữa hãy đi mau! Ma Ba-tuần nổi giận liền kéo vô số trăm ngàn muôn ức chúng ma đến lấy cây Bồ-đề. Nhưng đều không hại được. Ba-tuần muốn đến gần Bồ-tát cũng chẳng được. Bồ-tát bảo rằng: Người do ngày xưa có chút ít gốc lành nay được phước báo trời. Còn ta từ vô lượng kiếp đã tu tập hạnh Thánh chắc chắn sẽ được Bồ-đề. Bèn chỉ tay xuống đất, thân đất liền hiện ra, nói rằng hãy làm chứng lời ta. Lúc đó, cả cõi Đại thiên rung chuyển âm âm, các ma tan tác. Ma Vương trốn chạy về cung. Nói ánh sáng rực rỡ tức là ánh sáng của sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, chiếu sáng khắp cõi Đại thiên, nên nói là rực rỡ - khiến ma quân biết tức là nằm mộng thấy điều chẳng lành. Đến bức ép thì đầu là đêm các binh chúng muốn đến gần Bồ-tát. Ma, tức là Ma-la, Hán dịch là tặc ác (xấu ác) cũng gọi là sát (giết hại). Có thuyết nói trí lực là mười trí lực, khiến ma phải hàng phục. Nếu như thế thì làm sao gọi là hàng Ma? Đó là do định lực của từ bi. Nay

tức là trí, vì đạo lực của Bồ-tát có năng lực oai thần, nó muốn phá hoại tự lợi tức là trí có khả năng hàng phục, nếu phá lợi tha tức thần lực hàng phục, tùy nghĩa nào hay thì dùng, nên gồm cả. Thần lực là do từ Định phát ra nên nói trí lực đều khiến phải bị hàng phục. Tức Trí luận chép: “Do được đạo Bồ-tát”. Các kinh khác cũng nói là do tam-muội.

Được pháp nhiệm mầu, thành tịch Chánh giác: Là phần thứ năm nói quả giác đã thành. Có thuyết nói pháp mầu là lý, có thuyết nói là Niết-bàn vắng lặng, đều không đúng. Vì chẳng thể nói Lý được Diệt được mà thành Chánh Giác. Cho nên nay nói Bồ-tát hàng phục ma oán, dựng lập cờ pháp, đi vào bốn thiên không xao động. Đến đầu hôm thì được trí, được minh, nhiếp trì Vương xá tâm phát ra thiên nhãn thông. Nửa đêm thì được Túc mạng thông, đều nhớ việc của mình và của người đời quá khứ. Lại thấy tất cả chúng sinh do nhân già chết sinh ra mà có hữu, cho đến hành cũng do nhân vô minh mà có. - Lại suy nghĩ do đâu mà diệt. Nếu già chết diệt thì vô minh diệt nên hành diệt, cho đến sinh diệt thì già chết diệt. Lại suy nghĩ đây là sắc vô minh, đây là nhân vô minh, vô minh này diệt thì sắc vô minh này diệt. Vô minh cho đến già chết lo buồn khổ não đều cũng như thế.

Gần sáng, khi sao mai mọc thì Điều Ngự Thánh Trí, điều nên biết, điều nên ngộ, điều nên thấy, điều nên chứng, tất cả một niệm tương ứng, tuệ chứng Vô thượng giác, đầy đủ cả ba minh. Vì các vị vua trời mà hiện thành Phật, bay lên hư không cao bảy cây đa-la, nói tụng rằng: “Phiền não đều đã dứt, các lậu đều hết sạch, lại không còn thọ sinh, gọi là dứt hết khổ.” Các vị trời đều vui mừng, tung rải hoa trời cúng Phật ngập đến gối. Cho nên Pháp nhiệm mầu, thuộc về quả đức sở chứng, là lời nói đều cùng tận. Như Luận Du-già chép: Sau đó, ngôi tòa Bồ-đề bỏ tất cả thứ không phải thuộc phương tiện. Mạnh mẽ tinh tấn, đối với tất cả pháp lành đều được thêm lớn, đối với tu đoạn mà cầu thắng diệu, không cầu các thầy ngoại đạo khác, không thầy mà tự tu pháp ba mươi bảy phần Bồ-đề, chứng được Chánh Đẳng Bồ-đề Vô thượng, gọi là Đại giác.

Thích Phạm đều khuyến thỉnh Phật quay bánh xe pháp - đây là phần thứ tám, pháp hóa khắp thấm nhuần. Có hai: Một là gia tâm cầu thỉnh; hai là do thỉnh mà nói.

1. Khi mới thành Chánh giác, các vị trời khen xong, Bồ-tát liền trụ vào định Hỷ diệt, nhìn cây Bồ-đề mắt không tạm rời. Thiên duyệt làm thức ăn, ngôi mai chẳng đứng dậy, suốt bảy ngày ở nơi ấy dứt bỏ các khổ. Đến tuần lễ thứ hai thì đi kinh hành trong Đại thiên làm giới hạn.

Tuần lễ thứ ba, quan sát Bồ-đề tràng, cũng là ở đây mà được Đại giác. Tuần lễ thứ tư, đi kinh hành bờ biển làm giới hạn. Lúc đó, Ma Vương thỉnh rằng phải nhiều kiếp khổ hạnh mới được thành Phật, cúi mong Đấng thiện thế hãy mau nhập Niết-bàn. Phật bảo Ba-tuần rằng: cầu Đại Bồ-đề là muốn lợi ích chúng sinh. Mà trong pháp ta chưa được nghĩa lợi ích. Tam Bảo chưa đầy đủ, chưa nói pháp, vì sao lại nhập Niết-bàn? Ma Ba-tuần nghe xong tâm rất buồn khổ. Khi ấy, có ba ma nữ thấy cha buồn khổ bèn biến hình thành một thiếu nữ và một thiếu phụ, nhưng khi đến chỗ Phật thì bị thần lực biến thành già cỗi. Bèn về thưa cha rằng con biến hình để làm mê loạn Sa-môn ấy, nhưng bị oai lực biến con thành già khú, xin vua cha dùng oai lực biến con lại như cũ. Ma đáp, các con hãy tự đến sám hối tội lỗi ấy để Ngài thấu thần lực thì sẽ trở lại như cũ. Các ma nữ đến chỗ Phật bạch rằng: chúng con rất ăn năn hối lỗi muốn được hết tội. Cúi mong Ngài từ bi khiến cho chúng con được trở lại như cũ. Phật liền từ bi thu thần lực khiến họ trở lại như cũ - Tuần lễ thứ năm, Phật đến chỗ ở của Long Vương Mục-Chân-Lân Đà, Long thần rất ủng hộ. Tuần lễ thứ sáu Phật đến dưới cây Ni-Câu-Đà gần sông Ni-liên, có nhiều ngoại đạo đều đến an ủi hỏi han - Tuần lễ thứ bảy Ngài đến rừng Đa-Diễn thấy các chúng sinh bị sự sinh già bệnh chết bức ép. Khi đó, ở Bắc thiên trúc có hai anh em thành người đứng đầu đoàn lái buôn, một người tên Đế-Lý-Phú-Bà, một người tên Bà-Lý, dùng năm trăm xe chở đồ châu báu trở về nước. Có hai người chặn trâu, một tên Thiện Sinh, một tên Xương Xảo Thức. Họ ngừng trên đường không tiến lên được, lòng rất lo sợ. Thần rừng mách bảo: chớ sợ, các ông được lợi ích lớn vì gặp Phật ra đời mới thành Chánh giác ở tại rừng này, không ăn đã từ bốn mươi chín ngày nay. Các ông nên đem các thứ ăn uống dâng lên cho Ngài. Hai người chặn trâu tiến lên, các lái buôn theo sau. Từ xa bỗng thấy Như lai thân tướng đẹp đẽ như mặt trời mới mọc, cho là ít có, cho là thiên thần Phật, thấy ca-sa liền biết Như lai. Bèn đem các thức ăn ngon như bơ, mật, mía, cháo sữa, đậu... dâng lên. Đi nhiều bên phải ba vòng rồi dừng lại thưa rằng: xin Phật thương xót nhận chúng con cúng dường. Phật thầm nghĩ dùng đồ đựng gì để nhận. Bốn vị Thiên Vương liền dâng lên bát vàng. Phật bảo người xuất gia không dùng bát vàng. Thiên Vương phương Bắc bảo các vị trời khác rằng: thuở xưa, trời Thanh Thân đã cho chúng ta bát đá trắng, nếu muốn cúng dường bát đá thì nay đã phải lúc, nay các trời cùng về cung mình lấy bát đá dâng lên Như lai. Phật bèn nhận bát của bốn vị Thiên Vương, thứ lớp đặt chồng lên nhau rồi dùng tay phải đè xuống thành một bát có bốn lớp vành. Lúc

đó, những người lái buôn từ sáng đã cho người vắt sữa, sữa đã hóa thành đề hồ, bèn cho là việc ít có bèn cho gạo vào nấu thành cháo sữa đựng đầy bát chiên-đàn dâng lên Như lai. Như lai ăn xong liền tung bát lên hư không. Phạm Vương nhận lấy đem về cung xây tháp cúng dường. Phật tự chú nguyện và thọ ký cho. Rồi nhập thiền định quán các thế gian. Lại nghĩ rằng pháp chứng được không phải tâm, nói ra e không có lợi. Bèn yên lặng, mà nói kệ rằng: được pháp vô vi cam lộ - Sâu xa vắng lặng lia bụi nhỏ nếu Phạm Vương đến khuyến thỉnh ta, hoặc ta sẽ nói pháp nhiệm mầu. Phạm Vương Loã Kế nhờ oai thần Phật mà biết được ý của Như lai vì sao im lặng, nên cùng sáu mươi tám câu chi Phạm chúng đến bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế tôn! Có nhiều chúng sinh có khả năng ngộ nhập được pháp sâu xa, cúi mong Đức Thế tôn nói cho. Nhưng Phật vẫn yên lặng. Phạm Vương cũng biết ý lặng im, bèn cùng Trời Đế-thích cho đến Trời A-Ca-Ni-tra vào giữa đêm đến rừng Đa-diễn, đi nhiễu bên phải xong liền bạch Phật xin quay bánh xe pháp. Phật cũng vẫn im lặng, Đại Phạm lại thỉnh, Phật nói hai bài kệ rằng: Ta chứng Đạo ngược dòng, sâu xa khó thể thấy, kẻ mù chẳng nhìn được, nên im lặng không nói. Các chúng sinh thế gian, dính mắc năm trần cảnh - Chẳng thể hiểu pháp ta, Cho nên nay im lặng. Các trời Đế-thích Phạm vương nghe xong thì buồn lo, bỗng nhiên biến mất. Lại vào Vương xá lúc, Đại Phạm Thiên Vương than rằng các ngoại đạo nước Ma-già-đà mê đắm tà kiến, bèn đến chỗ Phật nói kệ thỉnh rằng: nước Ma-già-đà, có nhiều Dị Đạo, vì tà kiến, nên các thứ tính toán, cúi mong Mâu-ni, vì mở Cam lộ, pháp rất thanh tịnh, khiến họ được nghe. Đức Thế tôn dùng Phật nhãn xem thấy các chúng sinh căn thượng, trung, hạ, và ba nhóm, Phật bảo Phạm Vương rằng: “Nay ta vì người sẽ mưa cam lộ, tất cả trời, người rồng thần ở thế gian nếu có người tịnh tín nên nghe nhận pháp ấy”. Phạm Vương nghe rồi liền vui mừng khen rằng: Nay Như lai nhận lời khuyến thỉnh của Phạm Vương. Chỉ trong chốc lát lời ấy truyền khắp hư không vang đến trời A-ca-tra. Nay nói Phạm Thích khuyến thỉnh là lược nêu mà thôi. Kỳ là cầu phước. Chuyển là cả mình, người. Mình là chuyển đến Như lai ba đạo đầy đủ, người là chuyển pháp mình được đến người khác, pháp nối tiếp chuyển tức là nghĩa bất định, tức là đời chuyển. Tuy Phật đã tự chuyển mà chưa có người khác chuyển cho nên kể là thỉnh chuyển.

Dùng bước đi của Phật, dùng tiếng gầm thét của Phật mà gầm thét.

Đây là phần thứ hai, do thỉnh mà nói. Có hai: Một là thân miệng

lược hóa độ; hai là thân miệng rộng lợi ích - phần một lại có ba: Một là văn thính cảnh cáo chúng sinh. Phật đi, tức là thân nghiệp hóa hiện oai nghi Phật đi hóa độ các chúng sinh - Như lai việc phải làm đã làm xong, không đức nào chẳng đủ, năm nhĩn thanh tịnh xem thấy các người thế gian có thể nhận được pháp. Phật bèn nhớ lại Ma-la-tử, ba cấu yếu mỏng, nghe pháp sẽ được chứng, Ngài bèn dùng Phật nhĩn thấy họ chết đã chết bảy ngày, có vị trời cũng nói, họ chết đã bảy ngày. Sau đó thấy ngoại đạo tiên A-la-la, chết đã ba ngày. Vị trời ở trên hư không chép: chết đã ba ngày. Nhớ năm vị Bạt-đà-la, căn tánh đã thuần thực, nếu nghe sẽ được khai ngộ, dùng Phật nhĩn thấy ở vườn Lộc đã từ cây Bồ-đề hương về nước Ca-tỳ-la thành Ba-la-nại, rung chuyển Đại thiên. Bên thành Già-da có một ngoại đạo tên là A-tự-bà hỏi thầy Phật là ai và Ngài đi đâu? Như lai đáp đầy đủ. Sau đó Ngài đi về phương Bắc qua thành Già-da. Trong thành có một con rồng tên là Thiện Kiến. Ngày hôm sau thiết trai cúng dường, Như lai dùng trai xong thì đến thôn Lư-hê-đa-bà-tô-đô, kế đến xóm Đa-la, rồi đến thôn Bà-la. Lần lượt đi như thế đều nhận được các Trưởng giả, cư sĩ cúng dường ăn uống. Lần hồi đi đến bờ sông Hằng. Bờ sông rộng lớn nước chảy cuộn cuộn, bèn bay lên hư không sang bờ bên kia. Đến thành Ba-la-nại, vào buổi sáng mặc y ôm bát vào thành khất thực. Trong vườn Nai năm vị Bạt-đà-la từ xa nhìn thấy Thế tôn liền bảo nhau rằng không chào hỏi kính thờ ông ấy nữa. Chỉ có Kiều-Trần-Như tâm khác mọi người. Khi Phật đến gần thì cả năm người đều trái lời ước hẹn mà cùng đứng dậy thưa: kính chào Trưởng lão, mời Ngài ngồi. Thế tôn ngồi xong, bảo năm người rằng: Ta đã chứng được chứng trí không nên gọi Trưởng lão, năm vị bèn gọi Sa-môn. Phật nói “Thiện lai”, bèn thành Sa-môn râu tóc chững khoảng như cắt cạo mới bảy ngày, oai nghi khoan thai, như Tỳ-kheo trăm tuổi hạ. Thế tôn xuống ao tắm gội xong nghĩ chừ Phật quá khứ ngồi ở đâu mà quay bánh xe pháp? Bỗng có tòa ngàn báu từ ao trời lên, bèn cung kính đi nhiều quanh rồi lên tòa ngồi kiết già. Khi ấy, năm vị Bạt-đà-la ngồi ở trước Phật. Phật phát ánh sáng rực rỡ chiếu khắp thế giới Đại thiên, mời gọi các vị trời, người. Thần đất dùng thần lực khiến đạo tràng này rộng một bề đều bảy do-tuần. Các tầng trời cõi Sắc và cõi Dục đem tám mươi bốn ngàn tòa Sư tử đặt trong Đạo tràng, thỉnh Thế tôn thương xót lên ngồi tòa của con mà quay bánh xe pháp vô lượng câu-chi Bồ-tát ở mười phương, Thích Phạm trong thế giới Tam thiên ở mười phương, các vị trời hộ đời đều đến chỗ Phật thỉnh Phật quay bánh xe pháp, thương xót chúng sinh mà mưa pháp rộng lớn, dựng cờ pháp lớn, thổi loa pháp

lớn, đánh trống pháp lớn. Lúc đó, có Bồ-tát tên là chuyển pháp dùng một ngàn bánh xe bằng các thứ báu trang nghiêm đẹp đẽ, phát ra ngàn tia sáng. Các Đức Phật quá khứ đều có bánh xe này. Sau đó, Bồ-tát Chuyển pháp dâng lên Như lai. Như lai vào lúc đầu hôm im lặng, đến nửa đêm thì an ủi Đại chúng, gọi năm vị Bạt-đà-la bảo rằng người xuất gia có hai chương: Một là tâm đắm mê cảnh dục không lìa; hai là không Chánh tư duy, tự làm khổ thân (khổ hạnh) mà cầu thoát ly, phải bỏ hai thứ này. Nay Thánh giáo là lời chỉ dạy của Phật, nên nói Phật gầm thét, gầm thét là trái. Kinh ấy trước khen đức hiệu, nói lược Trung Đạo, tức ở đây lược bày hai chương gồm nói Trung đạo nên nói Phật gầm thét. Gầm thét cũng là chuyển.

Đánh trống pháp cho đến giảng nói pháp thì, đây là nói riêng về pháp hóa. Có thuyết nói muốn giúp người có duyên khắp được nghe, nên đánh trống pháp. Trống pháp là khiến xa nghe, thổi loa pháp tức là muốn đổi hiệu, khiến bỏ tà theo chánh. Vì muốn dứt bỏ chướng mà cầm kiếm pháp nói lên sự vượt hơn. Dựng cờ pháp là muốn động chấp pháp, chấn sấm pháp. Vì muốn hết tối tăm nên chớp điện pháp, vì muốn thấm nhuần chúng sinh nên tưới mưa pháp. Muốn bố thí cùng khắp thuốc pháp nên giảng nói pháp thí. Đây có lời luống dối thì đều không nhặt lấy trái sót. Trong luận Thế Thân cũng có trái sót chánh lý. Có thuyết nói đánh trống pháp là nói về Văn tuệ pháp, thổi loa pháp là nói về Tư tuệ pháp, cầm kiếm pháp là nói về Tu tuệ pháp, dựng cờ pháp là nói về chứng tuệ pháp, rền sấm pháp là hóa độ vô ngại, chớp điện pháp là nghĩa vô ngại - tưới mưa pháp là từ thuyết vô ngại. Giảng pháp thí là lạc thuyết vô ngại, để lợi ích chúng sinh. Đây cũng không đúng. ba Tuệ đều đã giác chứng tuệ pháp, cho nên ba tuệ được học cũng không khác. Cho nên bốn biện tài nói trên cũng là ba tuệ pháp. Nay tức Như lai nói Trung đạo rồi thì vì các vị Kiều-trần-như mà nói hai môn tu hành: bốn Đế pháp và mười hai nhân duyên lưu chuyển, ba lần chuyển mười hai hành pháp luân xong thì các vị Kiều-trần-như đều thấu suốt nhân duyên các pháp mà thành A-la-hán, tức Tam bảo xuất hiện. Bà-già-bà là Phật, ba lần chuyển mười hai hành pháp luân là pháp, năm vị Bạt-đà-la là Tăng. Tiếng quay bánh xe pháp vang khắp các cõi Phật mười phương. Riêng các Đức Phật im lặng không nói, pháp hóa năm người xong, thì đến chỗ Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp ở trong hang đá mà hàng phục rồng dữ. Ca-diếp nói “Thần lực Phật khó chống chỏi”, bèn cùng năm trăm đệ tử xin làm Sa-môn. Phật chép: “Thiện lai” liền đều trở thành Sa-môn. Ca-diếp và hai em là Nan-đề và Già-da mỗi người đều có hai trăm năm mươi đệ

tử đều ném vật thờ lửa xuống sông, cùng năm trăm người từ dòng sông ngoi lên. Nghe Ca-diếp khen sự thần hóa của Phật đạo bèn xin làm Sa-môn. Phật nói “Thiện lai” và đều thành Sa-môn. Phật cùng một ngàn vị Tỳ-kheo đến thành Ba-la-nại ở trong rừng giáo hóa bằng mọi cách, đều thành Ứng cúng. Rồi từ Ba-la-nại cùng ba anh em và một ngàn vị La-hán. Khi đến nước Ma-ha đà thì vua Tần Bà-sa-la, Đại thần, trăm quan trước sau, ngàn xe muôn ngựa cùng ra cửa thành đón Phật. Phật ngự gần thành Vương xá tại rừng Già-Việt, vua xuống xe lễ Phật. Phật an ủi hỏi han, bảo rằng năm uẩn vô thường, khổ không, ba cõi chẳng thật, tất cả vô thường. Phật hỏi vua, nước này đã bao lâu. Vua đáp đã hơn bảy trăm đời, từ khi vua trị vì chỉ biết có năm đời. Phật nói thế gian phút chốc chỉ có Đạo có thể cậy nương, nên tu phước đời sau, chớ nên để thì giờ luống qua. Bèn nói ý nghĩa lưu chuyển, hoàn diệt của duyên khởi. Vua được pháp nhãn tịnh, thọ năm giới. Có Trưởng giả Ca-lan-đà dâng cúng vườn trúc tốt đẹp lên Như lai. Như lai chú nguyện và nhận lấy, thường an trụ trong ấy với Thánh chúng. Có đệ tử Phật tên là Xá-bà-kỳ vào thành khát thực. Khi đó Xá-lợi-phất hỏi thầy của Sa-môn là ai, vì nghe đức của Phật bèn đem các đệ tử đến chỗ Như lai xin làm Sa-môn. Phật nói thiện lai, liền thành Sa-môn, cũng nói pháp cho nghe, thành A-la-hán. Vào thành Vương xá đến thăm Mục-liên, Mục-liên thấy Xá-lợi-phất hình dạng đổi khác bèn hỏi pháp đã chứng được, rồi đến chỗ Phật xin làm Sa-môn. Phật nói thiện lai, bèn thành Sa-môn, cũng nói pháp cho nghe, thành tựu quả A-la-hán. Khi đó, vua Du-Đầu-Đàn nghe con đấng Đạo trải sáu năm ăn uống kham khổ. Bèn bảo Ưu-đà-di nên đến thỉnh Phật, đã biệt ly nhau mười hai năm, suốt ngày đêm mong nhớ nay gặp nhau như sống lại, liền nghe lời vua dạy đến chỗ Phật trình bày đầy đủ và xin làm Sa-môn. Phật nói thiện lai, liền thành Sa-môn và chứng quả A-la-hán. Phật liền bảo Ưu-đà-di về báo bảy ngày nữa Phật sẽ trở về. Đến ngày thứ bảy Phật dắt các đệ tử đến thành Ca-tỳ-la. Phụ vương ra khỏi thành bốn mươi dặm để đón Như lai. Bèn sai chọn năm trăm người khôi ngô trong nước cho làm Sa-môn để hầu hạ Phật. Em Phật là Nan-đà cũng làm Sa-môn. Nan-đà nhờ Ưu-bà-ly xin Phật cứu độ. Phật nói thiện lai liền thành Sa-môn. Phật nói pháp cho vua nghe, vua liền được đạo. Tóm lại, trong câu tám: Cầm kiếm pháp, tưới mưa pháp, Y luận Pháp Hoa lấy nghĩa mà suy thì nên nói cầm kiếm pháp, tưới mưa pháp, đánh trống pháp, gấm sấm pháp, dựng cờ pháp, chớp điện pháp, thổi loa pháp, giảng pháp thí. Trong luận ấy nói nếu có người nghi thì dùng pháp dứt nghi, muốn nói Đại pháp thì nay phải cầm kiếm pháp

mà chặt đứt các nghi của ngoại phạm, khiến cho tiến tu, người đã dứt nghi rồi thì thêm lớn thuần thực trí thân, cho nên mưa Đại pháp tức nay là tưới mưa pháp. Đã vào nội phạm mà không nghi thì thấm nhuần, nảy mầm lành, khiến vào thánh vị. Người gốc lành đã thuần thực thì nói cho nghe hai thứ cảnh giới bí mật, tức là cảnh giới bí mật của Thịnh văn, Bồ-tát bị. Hai câu thị hiện tức là đánh trống pháp khiến không dứt Đại pháp. Vì trống đánh là để nghe xa nên khiến đánh trống pháp, gầm sấm pháp là cùng nghĩa với trống, khiến mở mang Bồ-tát thừa là cảnh thật mật, đó gọi là hai thứ mật cảnh. Nay người gốc lành thuần thực thì bỏ quyền lấy thật. Cho nên người vào cảnh giới bí mật thì khiến tiến lên để lấy nghĩa thanh tịnh. Nên liền dựng cờ pháp lớn, Bồ-đề diệu trí cực cao sáng rõ như cây cờ cao lớn. Do biết quyền thật có bỏ có lấy, thực hành hạnh Đại thừa được trí Bồ-đề, lìa thanh tịnh mà tiến lên thượng thượng. Nghĩa thanh tịnh là tiến lên đạt lấy Nhất Thiết trí hiện. Cho nên đốt đuốc pháp lớn tức nay là chớp ánh điện pháp. Đã được chân trí thì kiến lập Bồ-đề, xét chiếu chân cảnh mà chứng Niết-bàn, lấy tất cả trí hiện, là vì tất cả pháp mà kiến lập nghĩa danh tự chương cú, tức là thổi loa pháp. Đã được chân cảnh thì cần phải nói bàn giáo nghĩa, giải thích tất cả pháp nên gọi là vì tất cả pháp mà kiến lập nghĩa danh tự... Như thế tục làm các nhạc khúc ở khắp các vị là thổi loa pháp lớn - gầm thét là nay đã được giai vị quả sự tròn đầy vì người khác chứng pháp cũng giống như thế. Tức kinh Niết-bàn chép: thổi loa kèn biết lúc kiến lập nghĩa danh tự chương cú, là khiến nhập vào không thể nói chứng. Cho nên nghĩa chuyển pháp là khiến giảng nói pháp thí - nói giáo là khiến người đáng độ nhập chứng, cho nên câu quay bánh xe pháp, cán dẹp phiền não. Cho nên tán dương rồi thì nói ở bốn cặp: Một là cặp phá ác tiến thiện tức là hai pháp đầu; hai là cặp khai quyền hiển thật, tức là pháp thứ hai; ba là cặp Đắc trí chứng chân, tức là pháp thứ hai; bốn là cặp thuyết pháp lợi sinh, tức là hai pháp sau.

Nghĩa của tám câu có sự tuần hoàn này tên là pháp luân, tự đã được quả mà muốn giúp chúng sinh chứng được chân trí của bậc Thánh, phá diệt phiền não nên gọi là chuyển. Song đây giải thích nghĩa của tám tướng là nương vào sự hóa độ của Mâu-ni đã qua để nêu các Bồ-tát sẽ hiện tướng chưa hẳn đều có trí, nên xét.

Thường dùng pháp âm giác ngộ các thế gian, đây là sau lược kết về miệng hóa độ. Ánh sáng chiếu khắp... cho đến rung chuyển bằng sáu cách, đây là phần thứ hai nói về thân ngữ rộng lợi ích. Có bốn: Một là hàng phục ma khiến lìa tà; hai là phá tà để mở chánh; ba là nhận cúng

dường để sinh phước; bốn là nói pháp khiến tu đạo. Phần một lại có hai: Một là nêu chung về hàng phục Ma. Nhiếp chung cõi ma... cho đến đều quy phục, đây là sau giải thích riêng hàng phục ma; hai là do phát ra ánh sáng nên gồm nhiếp cõi ma mà đều quy phục. Do chấn động nên rung chuyển cả cung điện ma đều sợ sệt.

Xé rách lưới tà, tiêu diệt các kiến, là phần thứ hai nói phá tà mở chánh. Có bốn: Một là nói phá tà, lại có hai: Một là trừ kiến tà phẩm, lưới tà tức là tà pháp. Các kiến tức là tà chấp. Tà kiến sẽ nương tà pháp mà khởi lên cho nên đều phá. Quạch cũng là xé. Chân nhảy miệng xé, cũng là bẻ gãy. Lãng cũng là phá. Xua tan các trần lao, phá tan các hầm dục, đây là dứt trừ sự tà vạy của ái. Trần lao tức là năm cảnh dục quấy phá rối loạn chúng sinh nên nói trần lao. Nói không để tiến lên nên nói là tan. Hầm dục tức là tâm ái dục nương vào cảnh ái mà khởi cảnh cấu, pháp chúng sinh nên nói trần lao, tham rất sâu khó vượt qua nên nói hầm. Cho nên quán cảnh không ái dục mới thôi. Đây cũng gọi là phá hoại.

Giữ nghiêm thành pháp, mở rộng pháp môn, đây là phần thứ hai nói về mở chánh. Có thuyết nói pháp có công năng ngăn ngừa nên gọi là thành pháp, có nghĩa thông thường ra vào nên gọi môn (cửa) là không đúng. Các pháp nếu là một thì có lỗi nói quá, nên nay thành pháp tức là quả của trí đoạn. Pháp môn tức là nhân quả Định tuệ, vì sát tặc nên gọi là thành, vì nó có công năng nạp đức nên gọi là cửa (môn), khen điều lành nên gọi là nghiêm, dứt chệ bai nên gọi là Hộ (giữ gìn). Vì giảng nói nên gọi là mở, khiến tiến lên nên là xiển, rửa sạch như bản, đây là phần thứ ba kết phá tà. Như bản là chỉ chung chi kiến ái. Từ giáo để phá trừ nên gọi là rửa, quán là tắm gội.

Hiển bày trong sáng cho đến tuyên lưu chánh hóa, là phần thứ tư kết thúc mở chánh. Trừ tà hiển chánh nên nói là hiển sáng. Vượt các chệ bai nên gọi là trong sáng, tức là giữ nghiêm thành pháp. Quang là rộng, là dung thông, là rộng thông, vì là Thánh hạnh nên gọi là quang, chứa đựng Phật pháp dẫn dắt hóa độ không dứt nên nói tuyên lưu pháp hóa, tức là mở mang pháp môn. Tóm lại, giữ nghiêm thành pháp nên hiển sáng, giữ thành pháp nên thanh bạch, mở pháp môn nên là tuyên lưu.

Vào thành khất thực cho đến thị hiện ruộng phước, đây là phần thứ ba nói nhận cúng dường sinh phước. Tiếng Phạm là Tân-trà-ba-đà, Hán dịch là khất thực. Ở đây nói phân-vệ là sai, Phân-vệ là nhiều thức ăn ngon, tức nhận cúng dường. Chứa đức biểu thị cho ruộng tức là sinh

phước. Trữ là chứa. Chứa đức đã rộng, hiện đời nhận cúng dường để sinh phước lợi, có thể dụ cho ruộng.

Khi muốn nói pháp thì thị hiện mỉm cười, đây là phần thứ tư nói pháp khiến tu đạo, có hai: Một là nêu tương sắp nói nghĩa giống với văn dưới.

2. Dùng các thuốc pháp cứu lành ba khổ, sau phần này là chính thức nói giáo. Có hai: Một là cứu khổ; hai là giáo nhập Đạo. Ba khổ là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ theo thứ lớp mà thọ nhận ba thứ. Giáo có công dụng trừ khổ nên nói thuốc pháp, đúng giáo mà làm sẽ vượt qua hai thứ chết nên nói là liệu.

